

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

LÊ GIA HỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

LÊ GIA HỘI

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN
CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ-HẢI PHÒNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GVC.,TS. NGUYỄN NGỌC ĐIỆN**

HẢI PHÒNG - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả phân tích được nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong nội dung luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018

Tác giả

Lê Gia Hội

LỜI CẢM ƠN

Đề tài được hoàn thành nhờ sự tận tâm truyền đạt kiến thức của các Thầy, Cô tại Khoa Quản trị kinh doanh– Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, Cục Hải quan Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thực hiện luận văn. Tác giả xin trân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện để Tác giả hoàn thành đề tài này; đặc biệt xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình của Thầy giáo hướng dẫn TS.Nguyễn Ngọc Điện.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	II
MỤC LỤC	III
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	VI
DANH MỤC CÁC BẢNG – HÌNH – BIỂU ĐỒ	VII
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn.....	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU	7
1.1 Khái niệm, đặc điểm của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	7
1.1.1 Khái niệm giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	7
1.1.1.2 Khái niệm giám sát hải quan (GSHQ) hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	8
1.1.2 Đặc điểm của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	11
1.2 Mục tiêu, nguyên tắc của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	12
1.2.1 Mục tiêu của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	12
1.2.2 Nguyên tắc của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	14
1.2.3 Cơ sở pháp lý thực hiện công tác giám sát hải quan.....	15
1.3 Quy trình giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	16
1.3.1 Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng	17
1.3.2 Giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng	21

1.4 Nội dung của công tác giám sát hải quan.....	25
1.4.1 Thời gian thực hiện giám sát hải quan	25
1.4.2 Trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình giám sát	25
1.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.....	28
1.5.1 Nhóm nhân tố thuộc cơ quan hải quan.....	28
1.5.2 Nhóm nhân tố thuộc môi trường bên ngoài cơ quan hải quan	29
Tóm tắt chương 1	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ - HẢI PHÒNG.....	32
2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ - Hải Phòng	32
2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển	32
2.1.2 Nhiệm vụ của Chi cục.....	33
2.1.3 Cơ cấu tổ chức của Chi Cục	35
2.1.4 Đội ngũ cán bộ,viên chức	39
2.1.5 Một số kết quả đã đạt được của Chi Cục	41
2.2 Thực trạng công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.....	45
2.2.1 Thực trạng về đội ngũ cán bộ GSHQ tại Chi cục	45
2.2.2 Thực trạng giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng.....	47
2.2.3 Thực trạng giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng.....	48
2.2.4 Đánh giá của CBCC Hải quan và doanh nghiệp về công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.....	50
2.3 Đánh giá công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.....	67

2.3.1 Điểm mạnh.....	68
2.3.2 Điểm yếu.....	69
2.3.3 Nguyên nhân.....	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT HẢI QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ -	74
HẢI PHÒNG.....	74
3.1 Phương hướng, nhiệm vụ của công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đến năm 2025	74
3.1.1. Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác giám sát hải quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	74
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đến năm 2025.....	75
3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, Hải Phòng	76
3.2.1. Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng.	76
3.2.2. Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp	79
3.2.3. Các giải pháp khác	81
KẾT LUẬN	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
BTC	Bộ Tài chính
CBCC	Cán bộ, công chức
CNTT	Công nghệ thông tin
GSHQ	Giám sát hải quan
KDC	Doanh nghiệp kinh doanh Cảng
KVGS	Khu vực giám sát
NK	Nhập khẩu
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QLNN	Quản lý nhà nước
TCHQ	Tổng cục Hải quan
TP	Thành phố
VASSCM	Hệ thống Quản lý Hải quan tự động tại cảng biển
VNACCS/VCIS	Hệ thống thông quan tự động
XK	Xuất khẩu
XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC BẢNG – HÌNH – BIỂU ĐỒ

Bảng 2.1: Tình hình nhân sự của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2014-2017.....	40
Bảng 2.2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm	42
Bảng 2.3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Chi cục	43
Bảng 2.4: Số lượng cán bộ GSHQ tại Chi cục.....	45
Bảng 2.5: Số lượng cán bộ GSHQ tại Chi cục.....	46
Bảng 2.6: Kết quả GSHQ hàng hóa NK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2014 - 2017	48
Bảng 2.7: Kết quả GSHQ hàng hóa XK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2014 - 2017	49
Bảng 2.8: Đánh giá của CBCC về quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục.....	52
Bảng 2.9: Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục	54
Bảng 2.10: Đánh giá của CBCC về đội ngũ CBCCGSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục.....	59
Bảng 2.11: Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về đội ngũ CBCCGSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục	60
Bảng 2.12: Đánh giá CBCC và Doanh nghiệp về hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp XNK trong quá trình GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục.....	63
Bảng 2.13: Đánh giá của CBCC về phương tiện, thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ GSHQ hàng hóa XNK của Chi cục.....	65
Bảng 2.14: Đánh giá của DN về phương tiện, thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ GSHQ hàng hóa XNK của Chi cục	66
Hình 1. 1. Quy trình GSHQ hàng hóa XK tại cảng biển	20
Hình 1. 2 Quy trình GSHQ hàng hóa NK tại cảng biển	24

Hình 2.1: Sơ đồ tổng quát các khu vực cảng, kho bãi thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ	33
Hình 2.2: Cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ	36
Hình 2.3: Cơ cấu tổ chức của Đội giám sát hải quan	38
Hình 2.4: Giá trị nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2013 – 2017	44

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Hải Phòng được đánh giá là điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp như: sản xuất, chế tạo, chế biến.... Xu hướng này đã tác động rất lớn hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) nói chung và giám sát Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói riêng.

Giám sát hải quan là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải đang thuộc đối tượng quản lý hải quan. Thực hiện tốt công tác giám sát hải quan không chỉ đảm bảo sự cân bằng giữa việc tạo thuận lợi thương mại với kiểm soát chặt chẽ quá trình tuân thủ pháp luật mà còn giảm thiểu các thủ tục hành chính, giảm bớt vai trò can thiệp của cán bộ hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan. Giám sát Hải quan tạo điều kiện cho hàng hóa thông quan nhanh đồng thời thực thi được chức năng kiểm soát hiệu quả của Nhà nước[13].

Trong giai đoạn 2013 - 2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng đã đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa hải quan; đặc biệt ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào quy trình nghiệp vụ giám sát hải quan do đó thủ tục hải quan được đơn giản hóa, minh bạch hóa, góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp. Tuy nhiên trong lĩnh vực giám sát quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ vẫn chưa thực sự hiệu quả: (1)sự kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với các doanh nghiệp kinh doanh cảng vẫn còn nhiều hạn chế; (2)Công tác thực hiện qui trình quản lý hàng hóa ra, vào cảng chưa được đầy đủ và thống nhất; (3)Công tác theo dõi, quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các vấn đề về hàng hóa tồn đọng, từ chối nhận

hàng; (4) thời gian lưu giữ hàng hóa của doanh nghiệp xuất nhập khẩu lâu, chi phí lưu kho bãi của hàng hóa lớn.

Để công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục đạt được hiệu quả cao, cần nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực này. Xuất phát từ thực tế trên, đề tài "*Hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng*" được chọn làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Có khá nhiều đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Có khá nhiều đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Hải quan.

Cục Hải quan Hải Phòng (2016) với đề án "Quản lý, giám sát hàng hóa tại cảng biển, cảng hàng không"[9] đã xây dựng quy trình giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trung để trao đổi, cập nhật thông tin với DN, góp phần đơn giản hóa, hài hòa thủ tục hải quan với thủ tục của DN, từ đó rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Vũ Ngọc Anh (2010) với đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành "Nâng cao hiệu quả công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong lĩnh vực nghiệp vụ Hải quan", tác giả đã nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong lĩnh vực Hải quan, nêu bật được những kết quả đạt được và những tồn tại của hệ thống giám sát trong lĩnh vực Hải quan đồng thời đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong lĩnh vực nghiệp vụ Hải quan [1].

Phạm Đức Hải (2014) đã hệ thống những vấn đề lý luận về quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp chế xuất, nêu ra kinh nghiệm trên thế giới để rút ra bài học trong giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu

cho Hải quan Việt Nam trong đề tài "Một số biện pháp tăng cường quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp chế xuất tại Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng". Đề tài đã phân tích thực trạng giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu của Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng, nêu bật được những kết quả đạt được và những tồn tại của hệ thống giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng. Từ đó, đưa ra hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống giám sát hoạt động xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng[10].

Các nghiên cứu trên đã đánh giá tầm quan trọng cũng như sự cần thiết của giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong hoạt động Hải quan. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật cùng với quá trình toàn cầu hóa thì phương pháp quản lý rủi ro hiện đại cần phải có những thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Các đề tài trên đã có những lỗi thời về mặt số liệu và lý luận, do đó hy vọng đề tài nghiên cứu này sẽ đóng góp phần nào đó để hoàn thiện hệ thống giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong tình hình mới

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Luận văn tập trung nghiên cứu, làm rõ một số nội dung lý luận về giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực hải quan; đánh giá thực trạng công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Hải quan;
- Đánh giá thực trạng công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng trong giai đoạn 2013-2017;

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của Luận văn là Công tác giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Phân tích, đánh giá thực trạng từ năm 2013 đến 2017. Đề xuất mục tiêu, giải pháp cho giai đoạn 2019 - 2025.

- Phạm vi không gian: Tại các đơn vị kinh doanh cảng, kho, bãi thuộc phạm vi địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng trong giai đoạn 2013-2017, cụ thể:

- Cảng Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển cảng Đình Vũ;
- Cảng Công ty Cổ phần Tân Cảng 189;
- Kho CFS: SITC, Minh Thành, Vinalines....

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu chính của Luận văn là công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại các đơn vị kinh doanh cảng, kho, bãi thuộc phạm vi địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

a) Thu thập thông tin, số liệu thứ cấp

Hệ thống thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn sau:

- Thông tin từ những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.

- Thông tin, số liệu về bộ máy, nhân lực của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2014 -2017.

- Thông tin, số liệu về kết quả hoạt động của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2014 -2017.

- Các báo cáo của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ liên quan đến công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục trong giai đoạn 2014-2017.

- Số liệu từ các bài viết, luận văn, luận án đã công bố, từ Internet... cũng được luận văn lựa chọn, đánh giá và tận dụng trong quá trình nghiên cứu.

b) Thu thập thông tin, số liệu sơ cấp

Để có được các số liệu sơ cấp phục vụ cho phân tích, đánh giá trong luận văn, học viên sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng cách phát bảng hỏi cho 02 nhóm đối tượng:

- Nhóm 21 cán bộ, công chức hải quan làm việc tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ. Số phiếu phát ra là 21, số phiếu thu về là 18, trong đó có 18 phiếu trả lời hợp lệ.

- Nhóm 72 đại diện doanh nghiệp xuất nhập khẩu thường xuyên qua Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ. Số phiếu phát ra là 72, số phiếu thu về là 68, trong đó 68 phiếu trả lời hợp lệ, 04 phiếu còn lại trả lời thiếu nhiều thông tin nên không được sử dụng cho nghiên cứu.

Bảng hỏi được phát trực tiếp hoặc sử dụng email. Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng.

Khảo sát được thực hiện trong vòng 02 tháng: 06, 07 năm 2018.

5.3.2. Phương pháp xử lý thông tin, số liệu

- Số liệu thứ cấp thu thập được sẽ được chọn lọc, so sánh, đối chiếu, tính tỷ lệ phần trăm để phục vụ cho nghiên cứu.

- Số liệu sơ cấp sẽ được xử lý bằng phần mềm Excel.

- Luận văn sử dụng các chủ yếu phương pháp nghiên cứu cơ bản như: thống kê, logic; phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để giải quyết vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và đóng góp mới của Luận văn

- Góp phần làm rõ thêm một số nội dung lý luận về công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại hải quan;

- Khái quát một số kinh nghiệm trong công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu Hải quan;

- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng. Làm rõ phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Chương 2: Thực trạng công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ-Hải Phòng.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1.1 Khái niệm, đặc điểm của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.1.1 Khái niệm giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.1.1.1 Quan điểm về xuất khẩu, nhập khẩu

Xuất khẩu được hiểu là việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước cho nước ngoài trên cơ sở dùng tiền tệ làm phương tiện thanh toán.

Nhập khẩu là hoạt động tổ chức, cá nhân mua hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài nhằm phục vụ cho nhu cầu trong nước hoặc tái xuất nhằm phục vụ mục đích thu lợi nhuận. Nói cách khác, nhập khẩu là việc mua hàng hóa từ các tổ chức kinh tế, các công ty nước ngoài và tiến hành tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nội địa hoặc tái XK với mục đích thu lợi nhuận và nối liền sản xuất với tiêu dùng.

Cơ sở của XK, NK là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa (bao gồm cả hàng hóa hữu hình và hàng hóa vô hình) giữa các quốc gia.

Quan điểm về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Trong các lý thuyết kinh tế cổ điển, nhiều học giả đã đưa ra quan điểm về hàng hóa, có thể kể đến một số quan điểm chính như sau:

- Trong kinh tế chính trị Marx-Lenin, hàng hóa được định nghĩa là sản phẩm của lao động thông qua trao đổi, mua bán. Hàng hóa có thể là hữu hình hay ở dạng vô hình (như sức lao động). Karl Marx định nghĩa hàng hóa trước hết là đồ vật mang hình dạng có khả năng thỏa mãn nhu cầu con người nhờ vào các tính chất của nó. Để đồ vật trở thành hàng hóa cần phải có: (i) Tính ích dụng đối với người dùng; (ii) Giá trị kinh tế, nghĩa là được chi phí bởi lao động; (iii) Sự hạn chế để đạt được nó, nghĩa là độ khan hiếm.

- David Ricardo cho rằng hàng hóa có hai thuộc tính cơ bản là: giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị sử dụng của hàng hóa là ích dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

Ở một số văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, khái niệm về hàng hóa cũng được đề cập:

- Theo Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số: 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007, hàng hóa được định nghĩa là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị. Trong đó, sản phẩm được định nghĩa là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng. Định nghĩa này là tương đồng với quan điểm của kinh tế chính trị Marx-Lenin về hàng hóa.

- Theo Điều 4 Luật Giá số: 11/2012/QH13, hàng hóa được định nghĩa là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản. Khái niệm này được đánh giá là rõ ràng hơn so với khái niệm về hàng hóa trong Luật Chất lượng sản phẩm.

Như vậy có thể hiểu: *Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là sản phẩm của quá trình sản xuất (có thể là nguyên liệu, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm) được các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp mua bán, trao đổi qua biên giới của quốc gia.*

1.1.1.2 Khái niệm giám sát hải quan (GSHQ) hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Theo từ điển tiếng Việt, thuật ngữ thanh tra, giám sát được hiểu như sau:

- Thanh tra là đến tận nơi xem xét, kiểm tra sự việc nhằm đưa các hoạt động theo định hướng và theo các quy trình, quy phạm đã được xác định trên các văn bản pháp lý nhà nước.

- Giám sát là việc theo dõi, kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định hay không.

Như vậy, có thể thấy có sự khác biệt giữa khái niệm “thanh tra” và “giám sát”. Thanh tra là việc tổ chức kiểm tra từ bên ngoài của đối tượng bị thanh tra, là hoạt động của cơ quan quản lý cấp trên đối với đối tượng bị kiểm tra. Giám sát là khái niệm rộng hơn bao gồm cả thanh tra, kiểm tra và theo dõi từ xa với nhiều nội dung thực hiện như phân tích định tính, định lượng, tổng hợp, xử lý số liệu,... Thanh tra thường được tiến hành bằng cách đến tận nơi, trực tiếp kiểm tra, trong khi đó giám sát thường không cần phải đến tận nơi.

Trong ngành Hải quan, GSHQ là một trong những hoạt động nghiệp vụ hải quan quan trọng. Việc áp dụng các phương thức GSHQ phù hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XK, NK, xuất cảnh, nhập cảnh quá cảnh. Quy định tại Luật Hải quan năm 2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan đã chỉ rõ cơ quan Hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong việc kiểm tra, GSHQ đối với hàng hóa, phương tiện vận tải. Quản lý rủi ro được xem là một công cụ hữu hiệu cho quản lý hải quan hiện đại, giúp cho cơ quan Hải quan có thể phân bổ nguồn lực một cách hợp lý mà vẫn đảm bảo quản lý hải quan và không gây khó khăn cho hoạt động XNK. Trong điều kiện thông quan tự động, kết nối trao đổi thông tin với doanh nghiệp, quản lý rủi ro là cơ sở quan trọng để bảo đảm việc kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan được thực hiện hiệu quả, phù hợp với thông lệ hải quan quốc tế.

Theo Khoản 9 Điều 4 Luật Hải quan năm 2005: **Giám sát hải quan** là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, phương tiện vận tải đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

Định nghĩa GSHQ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Hải quan 2014 có sự kế thừa của Luật Hải quan 2005 và quy định rõ hơn, theo đó: **Giám sát hải quan** là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa, xuất

cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải đang thuộc đối tượng quản lý hải quan[12].

Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, khái niệm GSHQ hàng hóa XK, NK được hiểu như sau: ***Giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.***

Giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được coi là hoàn chỉnh khi cả hải quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng (doanh nghiệp KDC), tổ chức, cá nhân có hoạt động XK, NK, quá cảnh, xuất cảnh, nhập cảnh đều đạt được mục đích với sự tuân thủ pháp luật và chi phí thấp nhất.

Chủ thể của Giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Đối với GSHQ truyền thống: Theo quy định tại Điều 27 Luật Hải quan 2001 sửa đổi bổ sung 2005, điểm b khoản 1 và khoản 2 Thông tư 128/2013/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, GSHQ; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK thì có thể xác định chủ thể thực hiện quyền GSHQ là: công chức hải quan, Chi cục trưởng Chi cục hải quan, Tổng cục trưởng TCHQ.

- Đối với GSHQ điện tử: Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Thông tư 22/2014/TT-BTC quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa XK, NK thương mại thì chủ thể thực hiện quyền GSHQ điện tử cũng giống như trên.

Đối tượng của Giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Đối với giám sát hải quan truyền thống:

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 154/2005 /NĐ-CP thì không phải tất cả mọi hàng hóa XNK thương mại đều là đối tượng của hoạt động GSHQ.

Xuất phát từ nội dung, mục đích của hoạt động này, pháp luật chỉ đặt ra trách nhiệm GSHQ đối với hàng hóa XNK thương mại trong những trường hợp nhất định, bao gồm:

+ Hàng hóa đã làm xong thủ tục hải quan XK nhưng chưa thực XK. Thông thường, hàng hóa sau khi thực hiện hết thủ tục hải quan thì sẽ được XK hoặc NK. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó hàng hóa có thể chưa được XK ngay sau khi làm thủ tục hải quan. Đối với hàng hóa trong trường hợp này, cơ quan hải quan có thẩm quyền phải thực hiện hoạt động GSHQ.

+ Hàng hóa đã làm xong thủ tục hải quan XNK nhưng chưa được thông quan.

+ Hàng hóa XK, NK chưa làm thủ tục hải quan được lưu trong kho, bãi, thuộc phạm vi, địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan.

+ Hàng hóa quá cảnh.

+ Hàng hóa chuyển cửa khẩu.

+ Hàng hóa chuyển cảng.

Đối với bất kỳ loại hàng hóa XNK thương mại nào nếu rơi vào nếu rơi vào một trong số năm trường hợp kể trên thì sẽ phải trải qua thủ tục GSHQ.

- Đối với giám sát hải quan điện tử:

Căn cứ tại khoản 1 Điều 31 Thông tư 22/2014/TT-BTC thì đối tượng chịu sự GSHQ điện tử cũng giống như GSHQ truyền thống.

1.1.2 Đặc điểm của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

GSHQ hàng hóa XK, NK có các đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, GSHQ hàng hóa XK, NK luôn gắn liền với nhiệm vụ của hải quan, hỗ trợ tốt cho hoạt động hải quan và là một khâu không thể tách rời trong quy trình nghiệp vụ hải quan.

Thứ hai, đặc điểm về thời gian GSHQ hàng hóa XK, NK:

- Hàng hóa NK chịu sự GSHQ từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng hóa và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan.

- Hàng hóa XK miễn kiểm tra thực tế hàng hóa chịu sự GSHQ từ khi thông quan đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan. Trường hợp phải kiểm tra thực tế, hàng hóa XK chịu sự GSHQ từ khi bắt đầu kiểm tra thực tế hàng hóa đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan.

- Hàng hóa quá cảnh chịu sự GSHQ từ khi tới cửa khẩu nhập đầu tiên đến khi ra khỏi cửa khẩu xuất cuối cùng.

Thứ ba, đặc điểm về phương thức GSHQ hàng hóa XK, NK:

b) Phương thức giám sát:

- Niêm phong hải quan;

- Giám sát trực tiếp của công chức hải quan (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết);

- Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật: Giám sát bằng camera; Giám sát thông qua kiểm tra thông tin trên hệ thống CNTT; Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật khác.

Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rủi ro và các thông tin khác có liên quan đến đối tượng giám sát hải quan, cơ quan hải quan quyết định phương thức giám sát phù hợp.

1.2 Mục tiêu, nguyên tắc của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.2.1 Mục tiêu của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

GSHQ hàng hóa XK, NK tập trung thực hiện những mục tiêu cơ bản sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa XK, NK đang thuộc đối tượng GSHQ. GSHQ hàng hóa XK, NK theo dõi được lượng hàng hóa XK, NK đưa vào, đưa ra khu vực GSHQ, theo dõi được lượng hàng hóa tồn,

thời gian tồn trong khu vực cửa khẩu. Từ đó, giúp cơ quan hải quan quản lý được sự đảm bảo nguyên trạng của hàng hóa XK, NK.

Thứ hai, ngăn ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật. Cơ quan hải quan áp dụng các phương thức GSHQ, sử dụng các công cụ GSHQ để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật hải quan đối với hàng hóa XNK đang chịu sự GSHQ; không để xảy ra tình trạng lợi dụng các chính sách ưu tiên, miễn kiểm tra để buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Thứ ba, tạo tiền đề cho việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, tính thuế và các vấn đề khác đúng quy định.

Thông thường hàng hóa khi NK từ nước ngoài vào lãnh thổ của Việt Nam phải làm thủ tục hải quan ngay tại cửa khẩu biên giới, tuy nhiên để tạo thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp XNK đồng thời tránh trường hợp ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu biên giới, Nhà nước đã có chủ trương cho phép thành lập các địa điểm thông quan ngoài cửa khẩu ở một số địa phương. Việc thông quan với loại hình hàng NK vận chuyển độc lập, vận chuyển kết hợp (chuyển cửa khẩu) tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp (do doanh nghiệp không cần phải tới tận cửa khẩu nhập hàng để làm thủ tục hải quan) nhưng cũng nhiều doanh nghiệp lợi dụng loại hình này để gian lận thương mại, buôn lậu, trốn thuế. Để có thể quản lý tốt với loại hàng này đòi hỏi phải có một quy trình thủ tục hải quan hoàn chỉnh đặc biệt là công tác GSHQ (nhiệm vụ chủ yếu của Chi cục Hải quan cửa khẩu) vừa tạo thông thoáng cho hoạt động XNK, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý chặt chẽ. Trước tình hình trên thì ngành hải quan cần có hoạt động “GSHQ đối với hàng hóa NK vận chuyển độc lập, vận chuyển kết hợp” một cách thống nhất và hiệu quả.

Thứ tư, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, đảm bảo chức năng quản lý của nhà nước về Hải quan.

Tham gia hội nhập, giao lưu thương mại quốc tế khiến hoạt động XNK nước ta không ngừng gia tăng. Các loại hình XNK cũng trở nên đa dạng về cả chủng loại và mặt hàng XNK. Trước tình hình đó, cơ quan Hải quan các cấp phải có sự nỗ lực trong hoạt động của mình nhằm tạo thuận lợi cho phát triển giao lưu thương mại quốc tế. Chủ trương “Thông quan nhanh chóng, quản lý chặt chẽ với hàng hóa XNK” được cơ quan hải quan ưu tiên chú trọng hàng đầu. Để thực hiện được mục tiêu đó, trong những năm qua ngành hải quan đã nỗ lực phấn đấu đổi mới công tác, cải cách thủ tục, quy chế, quy trình nghiệp vụ, thực hiện quy trình thủ tục một cửa, một chiều, tiến hành hiện đại hóa hải quan, chấn chỉnh tổ chức đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, củng cố xây dựng lực lượng trong sạch vững mạnh.

1.2.2 Nguyên tắc của giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

GSHQ hàng hóa XK, NK tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, GSHQ hàng hóa XK, NK phải được thực hiện trong suốt thời gian hàng hóa, phương tiện vận tải đặt tại địa bàn hoạt động của hải quan cho đến khi hàng hóa được thông quan. Thực hiện nguyên tắc này: (i) Đối với hàng hóa NK, GSHQ thực hiện xuyên suốt từ khi hàng hóa được dỡ từ phương tiện vận tải nhập cảnh xuống cảng, làm thủ tục NK, vận chuyển giữa các địa điểm chịu sự GSHQ, đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi khu vực GSHQ vào nội địa hoặc chuyển sang chế độ khác; (ii) Đối với hàng hóa XK, GSHQ thực hiện xuyên suốt từ khi hàng hóa XK được tập kết làm thủ tục XK, vận chuyển giữa các địa điểm chịu sự GSHQ, đến khi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải di chuyển ra khỏi khu vực GSHQ và xuất cảnh ra nước ngoài.

Thứ hai, GSHQ hàng hóa XK, NK phải được tiến hành bình đẳng với tất cả hàng hóa, phương tiện vận tải đặt tại địa bàn hoạt động của hải quan. Để đảm bảo hiệu quả công tác GSHQ trong phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, công tác GSHQ phải được thực hiện đúng quy định của pháp luật

đối với mọi loại hàng hóa, mọi xuất xứ của hàng hóa, mọi quốc tịch của chủ hàng hóa.

Thứ ba, GSHQ hàng hóa XK, NK phải được tiến hành công khai minh bạch. Đây là một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động GSHQ hàng hóa XK, NK. Tính công khai, minh bạch của hoạt động này thể hiện ở chỗ, vào những thời điểm thích hợp, cơ quan hải quan phải thông báo đầy đủ nội dung cơ bản của GSHQ để chủ hàng hóa biết nhằm khuyến khích sự tham gia của chủ hàng hóa vào hoạt động này, góp phần đảm bảo tính khách quan trong GSHQ.

Thứ tư, GSHQ hàng hóa XK, NK phải tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính nhất quán, hợp pháp theo xu hướng hiện đại hóa hải quan. Nguyên tắc này đòi hỏi cơ quan hải quan phải xây dựng và thực hiện một cách thống nhất quy trình, nội dung GSHQ. Đồng thời, cũng phải quán triệt thực hiện cải cách thủ tục hành chính nhằm giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh

1.2.3 Cơ sở pháp lý thực hiện công tác giám sát hải quan

Công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu được thực hiện dựa trên các văn bản pháp lý sau:

- Quy trình GSHQ tại Quyết định 1966/QĐ-TCHQ năm 2015;
- Quyết định 1500/QĐ-TCHQ năm 2016;
- Thông tư 38/2015/TT-BTC;
- Quyết định số 3125/QĐ-HQHP ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Cục trưởng Cục Hải quan TP Hải Phòng hướng dẫn thí điểm trình tự thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực kho, bãi, cảng Hải Phòng trên hệ thống điện tử.

Hiện nay hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan và doanh nghiệp KDC về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về công tác quản lý của cơ quan hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực GSHQ. Tuy

nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giải phóng hàng của doanh nghiệp XNK, đã có tình trạng hàng hóa NK bị chậm giải phóng hàng ra khỏi Cảng, hàng hóa XK bị lỡ tàu, phát sinh chi phí lưu kho, bãi là do Quy trình và Hệ thống công nghệ thông tin chưa chi tiết, cụ thể hóa được các tình huống đặc thù tại khu vực Cảng biển Hải Phòng nên nhiều trường hợp phải giải quyết bằng phương pháp thủ công,... Ngoài ra, còn do nguyên nhân Hệ thống đôi khi còn chậm, đường truyền mất tín hiệu, đã xảy ra tình trạng không tìm thấy tờ khai trên hệ thống do người khai không khai hoặc khai sai điểm đích, hoặc dữ liệu chưa chuyển từ Hệ thống VNACCS/VCIS sang E-customs hoặc chuyển thiếu. Cùng với đó việc khai báo của doanh nghiệp XNK còn nhiều sai sót, đặc biệt là việc khai sai các tiêu chí liên quan đến điểm đích vận chuyển bảo thuế (XK) hoặc địa điểm lưu kho dự kiến chờ thông quan hoặc các tiêu chí không được sửa theo quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC.

1.3 Quy trình giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Hiện nay, công tác GSHQ hàng hóa XK, NK được thực hiện theo các quy định tại Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, GSHQ, thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hoá XK, NK; Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của TCHQ và Quyết định số 1500/QĐ-TCHQ ngày 24/5/2016 của TCHQ về việc ban hành quy trình GSHQ đối với hàng hóa XK, NK đưa vào, lưu giữ, đưa ra KVGS hải quan tại Cảng biển thực hiện Điều 41 Luật Hải quan năm 2014 được áp dụng tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng biển đáp ứng được điều kiện kết nối hệ thống thông tin quản lý hàng hóa của doanh nghiệp KDC với hệ thống thông quan điện tử của cơ quan Hải quan.

Theo đó, quy trình GSHQ đối với hàng hóa XK, NK về cơ bản gồm các tác nghiệp cụ thể:

1.3.1 Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng

1.3.1.1. Người khai hải quan/người vận chuyển thực hiện

Xuất trình giấy giới thiệu để chứng minh là người đại diện hợp pháp của người khai hải quan và thực hiện:

a) Đối với lô hàng phải niêm phong hải quan:

a.1) Xuất trình hàng hóa và Biên bản bàn giao (nếu có) hoặc tờ khai phê duyệt vận chuyển độc lập cho công chức hải quan để kiểm tra tình trạng bên ngoài và niêm phong hải quan của lô hàng;

a.2) Cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC hoặc số hiệu Cont hoặc số tờ khai (đối với hàng rời) cho doanh nghiệp KDC;

a.3) Đối với lô hàng XK khai hải quan bằng tờ khai hải quan giấy và hàng hóa quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, hàng hóa đã đưa vào KVGs hải quan nhưng thay đổi cảng xuất: xuất trình tờ khai hải quan giấy hoặc các chứng từ theo quy định cho Chi cục Hải quan.

b) Đối với lô hàng không phải niêm phong hải quan:

Thực hiện theo điểm a.2, điểm a.3 điểm a nêu trên.

1.3.1.2. Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện

a) Đối với lô hàng phải niêm phong hải quan:

a.1) Thực hiện kiểm tra tình trạng bên ngoài và niêm phong hải quan của lô hàng; xác nhận trên Biên bản bàn giao và thực hiện hồi báo hoặc xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định;

a.2) Xác nhận trên hệ thống thông qua chức năng “Xác nhận đã kiểm tra niêm phong”;

a.3) Đối với lô hàng XK khai hải quan bằng tờ khai hải quan giấy và hàng hóa quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC hàng hóa đã đưa vào KVGs hải quan nhưng thay đổi Cảng xuất: Sau khi thực hiện các công việc cho phép hàng hóa XK, Chi cục Hải quan cập nhật danh sách hàng hóa trên hệ thống thông qua chức năng số 2. Chứng từ đủ điều kiện qua KVGs (HQ nhập); in danh sách hàng hóa cho người khai hải quan để xuất trình cho doanh nghiệp KDC nơi hàng hóa XK.

b) Đối với lô hàng không phải niêm phong hải quan:

Thực hiện theo điểm a.2, điểm a.3 điểm a nêu trên.

1.3.1.3. Doanh nghiệp kinh doanh cảng thực hiện (KDC)

Sau khi tiếp nhận Danh sách Cont theo mẫu số 29/DSCT/GSQL phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC (sau đây gọi là danh sách container) hoặc Danh sách hàng hóa theo mẫu số 30/DSHH/GSQL phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC (sau đây gọi là danh sách hàng hóa) hoặc Danh sách hàng hóa theo mẫu số 07/DSHHG/GSQL ban hành kèm Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ hoặc số hiệu Cont hoặc số tờ khai hải quan từ người khai hải quan hoặc người vận chuyển, nhân viên doanh nghiệp KDC kiểm tra thông tin trên Danh sách Cont, Danh sách hàng hóa.

a) Nội dung kiểm tra:

a.1) Đối với hàng hóa chuyên chở bằng Cont: Kiểm tra, đối chiếu về số hiệu Cont, số lượng Cont từ danh sách Cont do người khai hải quan hoặc người vận chuyển cung cấp/xuất trình với thông tin trên hệ thống do cơ quan Hải quan cung cấp.

a.2) Đối với hàng lỏng, hàng rời, hàng lẻ: Kiểm tra thông tin về số lượng kiện, trọng lượng hàng, lượng hàng từ thông tin trên danh sách hàng hóa do người khai hải quan hoặc người vận chuyển cung cấp/xuất trình với thông tin trên hệ thống do cơ quan Hải quan cung cấp.

b) Xử lý kết quả kiểm tra:

b.1) Nếu danh sách Cont, danh sách hàng hóa do người khai hải quan hoặc người vận chuyển xuất trình được hệ thống của cơ quan Hải quan xác nhận đủ điều kiện qua KVGS hải quan:

b.1.1) Thực hiện theo quy trình của doanh nghiệp KDC để cho phép xếp hàng hóa lên phương tiện vận tải XK;

b.1.2) Kết thúc việc xếp hàng hóa lên phương tiện vận tải để XK (thời điểm “get out - đưa ra”), phản hồi thông tin lên hệ thống để hệ thống tự động xác nhận hàng qua KVGS hải quan;

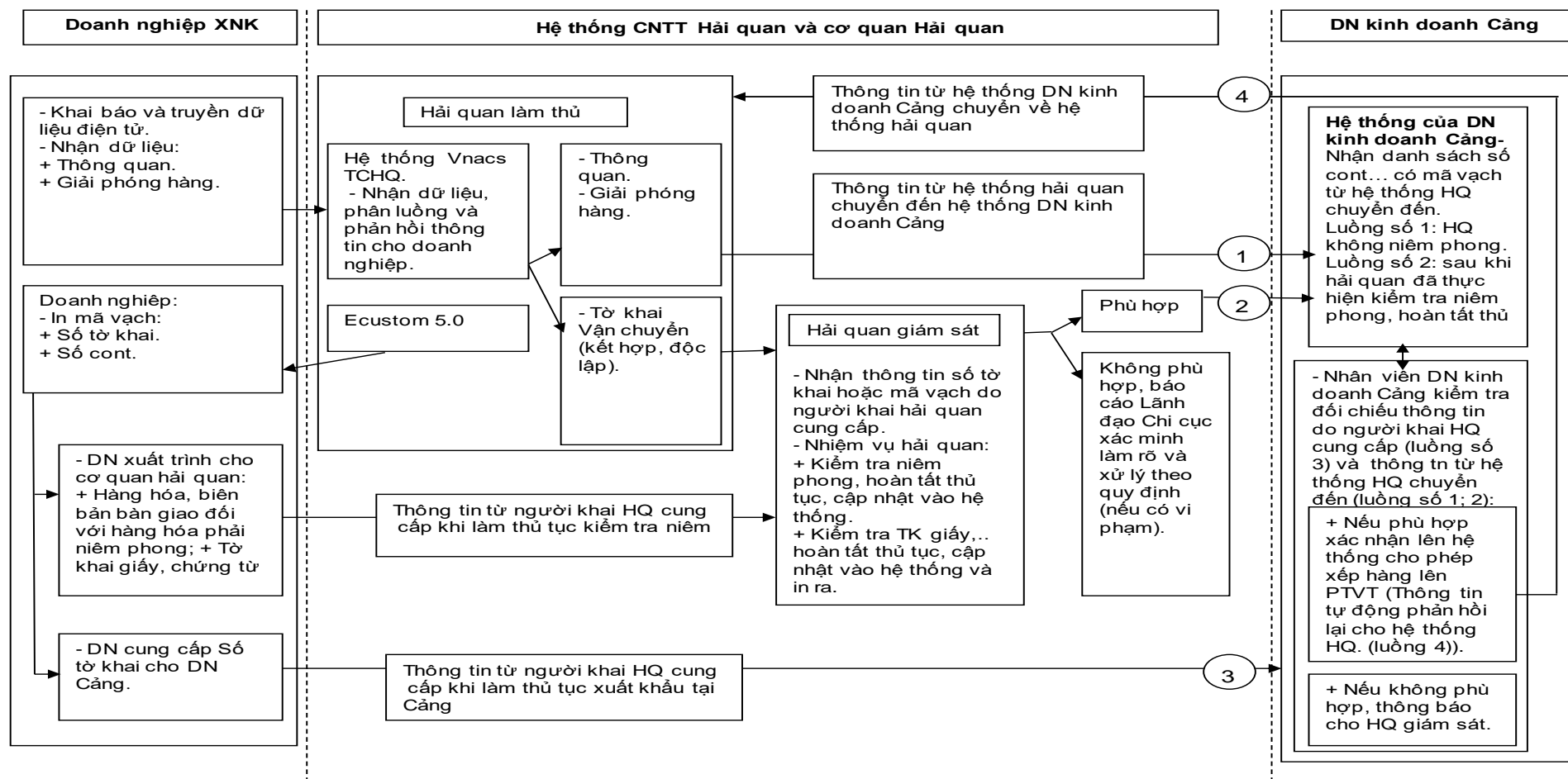
b.2) Nếu danh sách Cont, danh sách hàng hóa do người khai hải quan hoặc người vận chuyển xuất trình chưa được hệ thống của cơ quan Hải quan xác nhận đủ điều kiện qua KVGS hải quan:

b.2.1) Không cho phép hàng hóa XK;

b.2.2) Thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng liên quan để phối hợp xử lý theo quy định.

Trường hợp hàng hóa phải niêm phong hải quan, khi kiểm tra thông tin trên hệ thống, những lô hàng chưa có xác nhận đã kiểm tra niêm phong, trên hệ thống sẽ có cảnh báo. Doanh nghiệp KDC thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng liên quan để phối hợp xử lý.

b.3) Đối với các trường hợp phải hủy xác nhận trên hệ thống như doanh nghiệp KDC sau khi xác nhận phát hiện có tờ khai trùng số Cont đã xác nhận, hoặc hàng hóa sau khi được xác nhận không XK nữa: Doanh nghiệp KDC thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng để công chức hải quan thực hiện hủy xác nhận thông qua chức năng hủy xác nhận trên hệ thống.



Hình 1. 1. Quy trình GSHQ hàng hóa XK tại cảng biển

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

1.3.2 Giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng

1.3.2.1. Người khai hải quan/người vận chuyển thực hiện

Xuất trình giấy giới thiệu để chứng minh là người đại diện hợp pháp của người khai hải quan và thực hiện:

a) Đối với lô hàng phải niêm phong hải quan:

a.1) Xuất trình hàng hóa cho công chức hải quan để thực hiện niêm phong hải quan theo quy định;

a.2) Cung cấp thông tin chứng từ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC hoặc số hiệu Cont hoặc số tờ khai hải quan (đối với hàng rời) cho doanh nghiệp KDC;

a.3) Đối với lô hàng NK vận chuyển độc lập: Cung cấp thông tin danh sách Cont hoặc danh sách hàng hóa của tờ khai vận chuyển độc lập lên hệ thống của cơ quan Hải quan;

a.4) Đối với lô hàng NK khai hải quan bằng tờ khai hải quan giấy và hàng hóa theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 6, khoản 7 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC: Xuất trình tờ khai hải quan giấy hoặc các chứng từ theo quy định cho Chi cục Hải quan.

b) Đối với lô hàng không phải niêm phong hải quan:

Thực hiện theo điểm a.2, điểm a.3, điểm a.4 điểm a nêu trên.

1.3.2.2. Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện

a) Đối với lô hàng phải niêm phong hải quan:

a.1) Kiểm tra thông tin tờ khai trên hệ thống; thực hiện niêm phong hải quan; lập Biên bản bàn giao và theo dõi, tiếp nhận hồi báo theo quy định đối với lô hàng đủ điều kiện qua KVGS hải quan;

a.2) Xác nhận trên hệ thống thông qua chức năng “Xác nhận niêm phong hàng hóa”;

a.3) Đối với lô hàng NK khai hải quan bằng tờ khai hải quan giấy và hàng hóa theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 6, khoản 7 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC: Sau khi thực hiện các công việc cho phép hàng hóa đưa ra KVGS hải quan, Chi cục Hải quan cập nhật danh sách hàng hóa trên hệ thống thông qua chức năng cập nhật danh sách hàng hóa; in danh sách cho người khai hải quan để xuất trình cho doanh nghiệp kinh doanh cảng.

b) Đối với lô hàng không phải niêm phong hải quan:

Thực hiện theo điểm a.2, điểm a.3 điểm a nêu trên.

1.3.2.3. Doanh nghiệp kinh doanh cảng thực hiện

Sau khi tiếp nhận Danh sách Cont hoặc Danh sách hàng hóa hoặc Danh sách hàng hóa theo mẫu số 07/DSHHG/GSQL hoặc số hiệu Cont hoặc số tờ khai hải quan từ người khai hải quan, doanh nghiệp KDC kiểm tra, đối chiếu thông tin trên Danh sách Cont/Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua KVGS hải quan trên hệ thống với Danh sách Cont, Danh sách hàng hóa do người khai hải quan hoặc người vận chuyển cung cấp hoặc xuất trình và thực tế tình trạng bên ngoài (số hiệu Cont đối với hàng hóa chuyên chở bằng Cont, số kiện hàng đối với hàng rời) hàng hóa NK đưa ra Cảng theo nguyên tắc là chỉ cho phép hàng hóa đủ điều kiện qua KVGS hải quan được đưa ra Cảng.

a) Nội dung kiểm tra:

a.1) Đối với hàng hóa chuyên chở bằng Cont: Kiểm tra, đối chiếu về số hiệu Cont, số lượng Cont từ danh sách Cont do người khai hải quan hoặc người vận chuyển cung cấp/xuất trình với thông tin trên hệ thống do cơ quan Hải quan cung cấp: Các thông tin này trên hệ thống, trên Danh sách Cont và thực tế hàng hóa đưa ra Cảng phải phù hợp với nhau;

a.2) Đối với hàng lỏng, hàng rời, hàng lẻ: Kiểm tra thông tin về số lượng kiện, trọng lượng hàng, lượng hàng từ thông tin trên danh sách hàng hóa do người khai hải quan/người vận chuyển cung cấp/xuất trình với thông tin trên hệ thống do cơ quan Hải quan cung cấp: Các thông tin này trên hệ

thông, trên Danh sách hàng hóa và thực tế hàng hóa đưa ra Cảng phải phù hợp với nhau;

a.3) Kiểm tra, đối chiếu số vận tải đơn trên danh sách Cont hoặc danh sách hàng hóa hoặc danh sách hàng hóa kèm Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển (nếu có) với số vận tải đơn trên Phiếu giao Cont/Phiếu giao hàng do doanh nghiệp KDC phát hành cho người khai hải quan.

b) Xử lý kết quả kiểm tra:

b.1) Nếu kết quả kiểm tra phù hợp:

b.1.1) Cho phép đưa hàng ra khỏi KVGS hải quan;

b.1.2) Sau khi hàng hóa đưa ra KVGS hải quan (thời điểm “get out - đưa ra”), phản hồi thông tin lên hệ thống để hệ thống tự động xác nhận hàng qua KVGS hải quan;

b.2) Nếu kết quả kiểm tra không phù hợp:

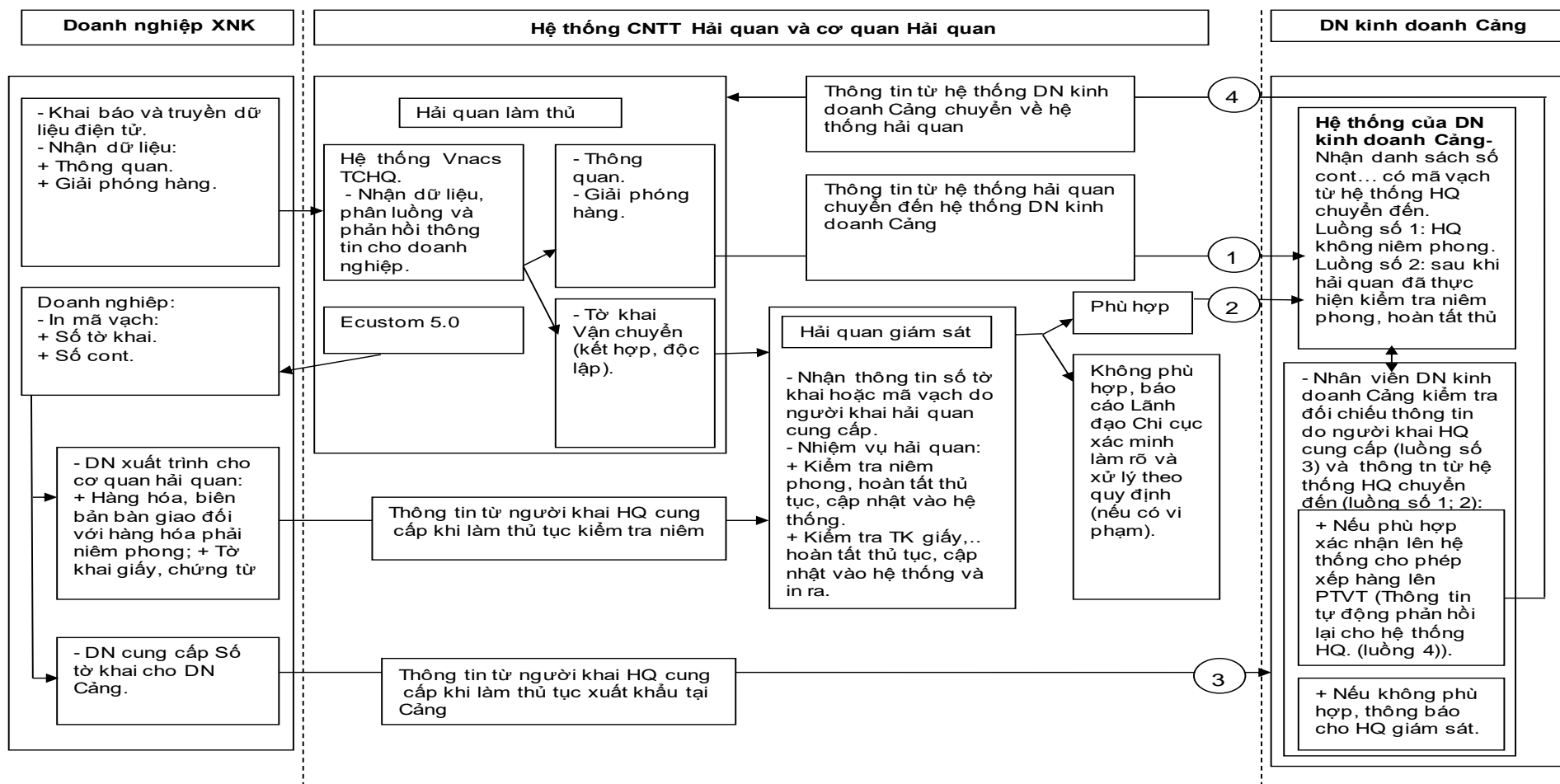
Thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng liên quan để:

b.2.1) Phối hợp xử lý theo quy định.

b.2.2) Công chức hải quan thực hiện hủy xác nhận trên Hệ thống (trong trường hợp đã xác nhận);

Lưu ý: Trường hợp hàng hóa phải niêm phong hải quan, khi kiểm tra thông tin, những lô hàng chưa có xác nhận đã niêm phong trên hệ thống sẽ có cảnh báo. Doanh nghiệp KDC thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng liên quan để phối hợp xử lý.

c) Đối với các trường hợp phải hủy xác nhận trên hệ thống như doanh nghiệp KDC sau khi xác nhận phát hiện có tờ khai trùng số Cont đã xác nhận, hoặc hàng hóa sau khi được xác nhận không NK nữa: Doanh nghiệp KDC thông báo ngay cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng để công chức hải quan thực hiện hủy xác nhận thông qua chức năng hủy xác nhận trên hệ thống.



Hình 1. 2 Quy trình GSHQ hàng hóa NK tại cảng biển

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Tóm lại: Công tác GSHQ tại cảng được thực hiện theo quy trình GSHQ. Căn cứ vào thông tin về hàng hóa đã thông quan trên hệ thống, cán bộ GSHQ sẽ kiểm tra, đối chiếu về: (1) số lượng các cont; (2) thông số chi tiết của mỗi cont. Nếu phát hiện nghi vấn sẽ tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa trong mỗi cont: số lượng hàng hóa trong cont, tên hàng, chính sách mặt hàng, hàng cấm.... và tiến hành xử lý theo quy định.

Để nâng cao hiệu quả công tác giám sát, bên cạnh việc tuân thủ tốt quy trình GSHQ nhằm ngăn chặn gian lận thương mại, công tác GSHQ cần rút ngắn thời gian thông quan tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp XNK.

1.4 Nội dung của công tác giám sát hải quan

Nội dung của giám sát hải quan là việc cơ quan hải quan sử dụng nghiệp vụ hải quan để quan sát, theo dõi trực tiếp hoặc bằng phương tiện nghiệp vụ, kỹ thuật để đảm bảo việc tuân thủ thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và luật pháp khác có liên quan.

1.4.1 Thời gian thực hiện giám sát hải quan

Theo khoản 2 Điều 26 Luật hải quan, thời gian thực hiện hoạt động giám sát hải quan có thể là một trong ba thời điểm sau tùy vào từng đối tượng tiến hành giám sát, bao gồm:

- ✚ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Thời gian từ khi hàng hóa nhập khẩu tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan;
- ✚ Đối với hàng hóa xuất khẩu: Thời gian từ khi bắt đầu kiểm tra thực tế hàng hóa đến khi thực xuất khẩu;
- ✚ Đối với hàng hóa, phương tiện quá cảnh: Thời gian từ khi hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh tới địa bàn hoạt động của hải quan đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, trong khoảng thời gian này, cơ quan hải quan có thẩm quyền sẽ lựa chọn phương thức phù hợp để tiến hành hoạt động giám sát hải quan nhằm đảm bảo được sự nguyên vẹn của hàng hóa xuất nhập khẩu trong thời gian chịu sự quản lý của hải quan.

1.4.2 Trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình giám sát

Đối với giám sát hải quan truyền thống

Trách nhiệm của người khai hải quan: Theo khoản 3 Điều 26 Luật hải quan, các chủ thể này có nghĩa vụ: “*Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa và niêm phong hải quan, trong trường hợp bất khả kháng mà không giữ được nguyên trạng hàng hóa hoặc niêm phong hải quan thì sau khi áp dụng biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất có thể xảy ra, phải báo ngay với cơ quan hải quan hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi gần nhất để xác định*”. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi đưa vào hoặc ra khỏi khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu, người khai hải quan phải xuất trình cho cơ quan hải quan:

- ✚ Đối với hàng xuất khẩu là tờ khai hải quan đã được cơ quan hải quan xác nhận làm xong thủ tục hải quan;
- ✚ Đối với hàng nhập khẩu là tờ khai hải quan đã được cơ quan hải quan xác nhận thông quan hoặc giải phóng hàng đưa hàng về bảo quản; Phiếu xuất kho bãi của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi.
- ✚ Xuất trình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trách nhiệm của công chức hải quan: Theo khoản 3 điều 27 Luật hải quan quy định, công chức hải quan có nghĩa vụ: “*thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan hải quan. Trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì yêu cầu chủ hàng hóa, người chỉ huy phương tiện vận tải hoặc người được ủy quyền thực hiện các yêu cầu để kiểm tra, khám xét hàng hóa, phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật*”.

Đối với giám sát hải quan điện tử

Đối với hoạt động giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử, trách nhiệm của các chủ thể này được xác định như sau:

Về trách nhiệm đối với người khai hải quan: Khi đưa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào hoặc ra khỏi khu vực giám sát hải quan, tùy theo loại hàng hóa người khai hải quan phải thực hiện:

- ✚ Đối với hàng xuất khẩu: phải xuất trình một tờ khai hải quan điện tử in đã được cơ quan hải quan quyết định hoặc xác nhận “thông quan”, xuất trình

hàng hóa, nhận lại 1 tờ khai hải quan điện tử in đã có xác nhận “hàng đã qua khu vực giám sát hải quan”

- ✚ Đối với hàng nhập khẩu: Người khai hải quan phải xuất trình 1 tờ khai hải quan điện tử in đã được cơ quan hải quan quyết định hoặc xác nhận “thông quan” hoặc “giải phóng hàng” hoặc “hàng mang về bảo quản” hoặc hàng chuyển cửa khẩu”, phiếu xuất kho, bãi của doanh nghiệp; xuất trình hàng hóa; nhận lại 1 tờ khai hải quan điện tử in đã có xác nhận “hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” và các chứng từ đã xuất trình.

Về trách nhiệm đối với cơ quan hải quan tiến hành giám sát:

Chi cục hải quan ở cửa khẩu là chủ thể thực hiện việc giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Khi phát hiện lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu vi phạm các quy định pháp luật hải quan, chi cục trưởng chi cục hải quan cửa khẩu quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi đưa vào hoặc ra khỏi khu vực cửa khẩu, chi cục hải quan sẽ thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung: Kiểm tra hiệu lực của tờ khai hải quan điện tử. Trường hợp tờ khai hải quan điện tử chưa được nhận “thông quan” hoặc “giải phóng hàng” hoặc “hàng mang về bảo quản” hoặc “hàng chuyển cửa khẩu”, công chức hải quan đối chiếu nội dung tờ khai hải quan điện tử in với tờ khai hải quan điện tử trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; Kiểm tra, đối chiếu số, ký hiệu bao, kiện hàng, tình trạng niêm phong hải quan (nếu có) với tờ khai hải quan điện tử đã quyết định hoặc xác nhận “thông quan” hoặc “giải phóng hàng” hoặc “Hàng mang về bảo quản” hoặc “hàng chuyển cửa khẩu” và chứng từ do người khai hải quan xuất trình.

Sau khi thực hiện xong hoạt động kiểm tra, kết quả của hoạt động kiểm tra sẽ được xử lý như sau: Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, công chức kiểm tra sẽ xác nhận “Hàng đã qua khu vực giám sát hải quan” trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu; ký tên đóng dấu công chức, trả lại người khai hải quan; trong trường hợp kết quả hải quan không phù hợp tùy từng trường hợp cụ thể, Chi cục hải quan cửa khẩu hướng dẫn người khai hải quan điều chỉnh bổ sung hoặc xử lý theo quy định hiện hành. Trong trường hợp tờ khai hải quan điện tử hết hiệu lực, Chi cục hải quan nơi mở tờ khai điện tử để làm thủ tục hủy tờ khai.

1.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1.5.1 Nhóm nhân tố thuộc cơ quan hải quan

Thứ nhất, năng lực của cán bộ công chức hải quan.

Cơ quan hải quan muốn thực hiện GSHQ đạt hiệu quả cao, đúng mục tiêu đề ra thì vấn đề then chốt nhất là phải xây dựng cho mình đội ngũ CBCC có năng lực tốt. Thực tế cho thấy, đội ngũ CBCC hải quan tại các cơ quan hải quan trên cả nước hiện nay vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, nhân lực hải quan xét về nhiều mặt vẫn còn nhiều hạn chế như: trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế, chuyên ngành đào tạo đúng với chuyên môn còn ít, phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc của một số cán bộ vẫn chưa cao,... Những hạn chế này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác QLNN về hải quan nói chung, công tác GSHQ nói riêng.

Thứ hai, cơ sở vật chất, công nghệ thông tin của cơ quan hải quan.

Việt nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, các hiệp định thương mại song phương, đa phương đã ký kết và việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới làm cho lượng giao thương hàng hoá tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, chủ trương tinh giản bộ máy tổ chức làm cho áp lực công việc của ngành hải quan trong đó có GSHQ đối với hàng hoá XK, NK ngày càng lớn, đòi hỏi ngành Hải quan cần đầu tư trang thiết bị hiện đại để đảm bảo điều kiện phục vụ công tác.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin là phương thức tốt nhất, hiệu quả nhất trong việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính rút ngắn thời gian thông quan. Đặc điểm của công tác GSHQ là phải kiểm tra, giám sát trực tiếp từng lô hàng XK, NK, số lượng tờ khai lớn, công tác quản lý rất phức tạp. Do vậy, nếu chỉ thực hiện thủ công thì cần rất nhiều nhân lực, chi phí cao. Nếu được trang bị trang thiết bị hiện đại như máy soi container, hệ thống camera giám sát, máy đọc mã vạch, máy tính, các hệ thống công nghệ thông tin thì quá trình GSHQ

sẽ dễ dàng, nhanh chóng, thuận lợi hơn cho cơ quan hải quan, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động XNK mà vẫn quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Thứ ba, hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp của cơ quan hải quan.

Một trong những tiêu thức để đánh giá một hệ thống QLNN về hải quan tốt là tính hiệu quả của hệ thống với biểu hiện rõ nét nhất là tính tự giác tuân thủ, tự nguyện cao trong việc chấp hành tốt nghĩa vụ hải quan của người dân và cộng đồng doanh nghiệp cũng như chấp hành các quy định của Nhà nước ban hành đối với hoạt động thương mại quốc tế. Để đạt được điều này, ngoài việc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về hải quan còn cần có sự tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hỗ trợ, hướng dẫn của cơ quan hải quan.

Pháp luật, chính sách, quy định về hải quan chỉ có thể thực thi đầy đủ, thống nhất khi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai sâu rộng trong người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Mọi cá nhân, tổ chức cần phải nhận thức đầy đủ các quy định, các công việc phải làm và mức độ sẽ bị xử lý đối với từng hành vi nếu vi phạm, nếu không chấp hành nghiêm các quy định mà cố tình vi phạm

1.5.2 Nhóm nhân tố thuộc môi trường bên ngoài cơ quan hải quan

Thứ nhất, pháp luật, chính sách, qui định quản lý nhà nước về hải quan.

Hệ thống pháp luật là nền tảng cho hoạt động QLNN về hải quan, do đó hệ thống pháp luật đơn giản, đồng bộ, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội sẽ là cơ sở pháp lý vững chắc giúp cơ quan hải quan cũng như người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Nếu hệ thống pháp luật quá phức tạp, những quy định không rõ ràng, các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan rườm rà sẽ khó khăn cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp và cả CBCC hải quan cho việc nắm bắt, triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, tính ổn định của hệ thống pháp luật về hải quan cũng tác động rất lớn đến

việc chấp hành pháp luật của cơ quan hải quan lẫn cộng đồng doanh nghiệp. Hệ thống văn bản liên tục thay đổi để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, với các chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước làm cho các văn bản quy phạm pháp luật nhiều, chồng chéo, phức tạp làm cho quá trình triển khai thực hiện khó khăn hơn. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến mặt chủ quan và khách quan của việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Cơ chế quản lý hiện nay là tự khai tự chịu trách nhiệm; theo đó, người khai hải quan căn cứ các quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của mình mà tự kê khai đúng, đầy đủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cơ quan hải quan không can thiệp trực tiếp đến quá trình khai báo của người khai hải quan trừ khi cơ quan hải quan phát hiện sai sót hoặc nắm thông tin có dấu hiệu vi phạm của người khai hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người khai hải quan trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của mình, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. Thông qua công tác kiểm tra, GSHQ nhằm phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về hải quan của người khai hải quan, tạo thông thoáng cho hoạt động XNK và môi trường bình đẳng của mọi doanh nghiệp.

Thứ hai, trình độ dân trí và ý thức tuân thủ pháp luật về hải quan của người khai hải quan.

Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, bùng nổ về công nghệ thông tin, kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh mẽ dựa trên kinh tế tri thức và công nghệ cao, trình độ dân trí của người dân ngày càng được nâng cao. Khi người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực sự hiểu sâu về pháp luật hải quan, có ý thức chấp hành pháp luật hải quan trong hoạt động XK, NK, quá cảnh hàng hoá thì hiệu quả của công tác QLNN về hải quan nói chung, công tác GSHQ nói riêng sẽ cao. Ngược lại, nếu người dân và cộng đồng doanh nghiệp không có thái độ không đồng tình, lên án đối với các hành vi buôn lậu, gian

lận thương mại, trốn thuế, thậm chí thờ ơ sẽ dẫn đến tình trạng cố tình sai phạm pháp luật một cách phổ biến làm cho nhà nước bị thất thu thuế, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp không công bằng, tình trạng môi trường, an sinh xã hội bị ảnh hưởng, công tác quản lý hải quan kém hiệu quả. Trình độ dân trí cao, sự hiểu biết pháp luật hải quan càng cao thì khả năng buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế,... của người khai hải quan cũng ngày càng tinh vi và phức tạp hơn.

Thứ ba, sự hợp tác của các lực lượng tham gia vào quá trình GSHQ.

Công tác GSHQ muốn thực hiện hiệu quả thì cần phải có sự phối hợp rất nhiều lực lượng cùng tham gia cả trong và ngoài ngành như: Biên phòng, Công an, Quản lý thị trường, các cơ quan kiểm tra chuyên ngành như: Kiểm tra chất lượng, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật,... chính vì vậy công tác phối kết hợp giữa cơ quan hải quan với các ngành liên quan là hết sức quan trọng. Nếu công tác phối hợp chặt chẽ, đúng chức năng và quyền hạn thì làm giảm thời gian thông quan, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về hải quan. Cơ chế quản lý nhà nước về giám sát hải quan đòi hỏi sự hợp tác, sự phối hợp, trao đổi và cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng.

Tóm tắt chương 1

Trong chương 1, căn cứ trên việc tìm hiểu thông tin từ các tài liệu tham khảo, từ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, luận văn đã hệ thống hóa được các vấn đề liên quan đến GSHQ: Các khái niệm liên quan đến GSHQ; mục tiêu, nguyên tắc và quy trình GSHQ cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác GSHQ.

Trên cơ sở vận dụng quy trình GSHQ, đề tài sẽ phân tích thực trạng công tác GSHQ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ thuộc Cục Hải quan Hải Phòng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ - HẢI PHÒNG

2.1 Quá trình hình thành, phát triển của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ - Hải Phòng

2.1.1 Lịch sử hình thành phát triển

Tên đầy đủ: Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Địa chỉ: Km6 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.

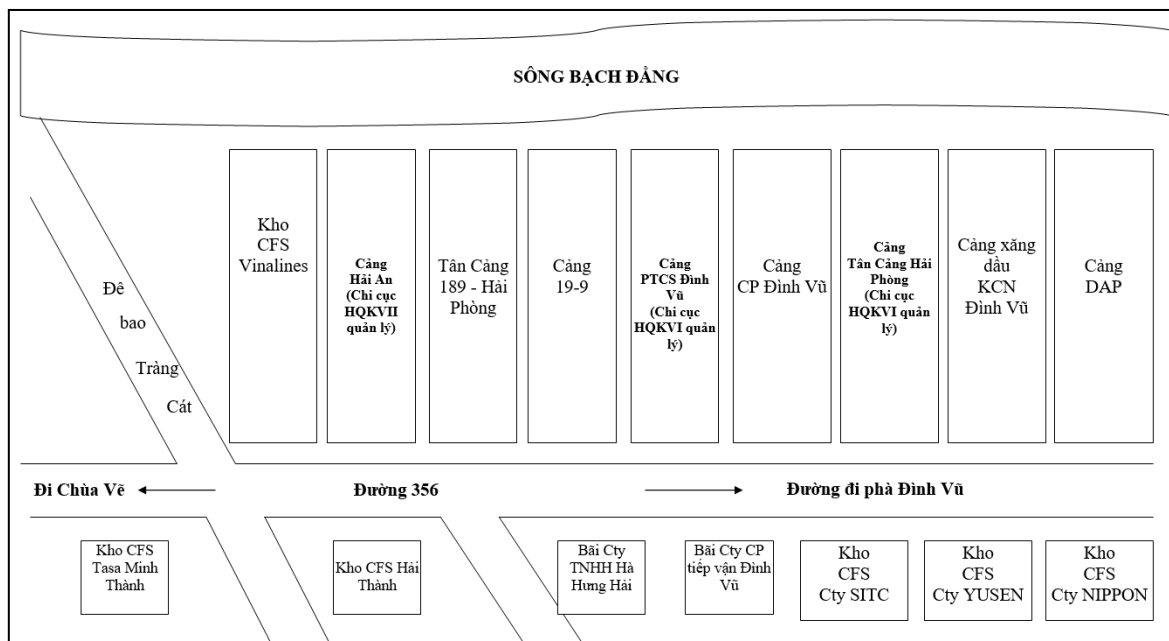
Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 727/QĐ-BTC ngày 06/04/2010 của Bộ Tài chính về việc tổ chức lại và đổi tên Chi cục Hải quan Điện tử thành Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trực thuộc Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Khi thành lập, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ gồm 05 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội Thủ tục hàng hóa XNK; Đội Quản lý thuế và Kiểm tra sau thông quan; Đội thủ tục phương tiện xuất nhập cảnh; Đội GSHQ.

Từ khi thành lập, trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ phải đi thuê của Công ty TASA Duyên Hải tại số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng. Từ ngày 13/11/2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ chuyển đến trụ sở mới tại Km6 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng (tại khu vực cảng Nam Hải Đình Vũ).

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Cục trưởng, Phó cục trưởng theo Quy chế làm việc và văn bản phân công phụ trách lĩnh vực công tác của Lãnh đạo Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các Phòng tham mưu thuộc Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.



Hình 2.1: Sơ đồ tổng quát các khu vực cảng, kho bãi thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Nguồn: Thông tin từ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Mối quan hệ với các đơn vị thuộc Cục Hải quan thành phố Hải Phòng là mối quan hệ trao đổi, phối hợp, tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ.

Mối quan hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan trên địa bàn là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.1.2 Nhiệm vụ của Chi cục

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Hải quan năm 2014, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, GSHQ đối với hàng hóa XK, NK, chuyên khẩu, quá cảnh thuộc các loại hình (trừ loại hình gia công và sản xuất hàng XK) và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, trung chuyển tại các địa bàn hoạt động hải quan và các địa điểm khác được giao theo quy định pháp luật.

- Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy qua biên giới; phòng, chống gian lận thương mại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và địa bàn hoạt động của Chi cục theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các lực lượng chức năng khác để thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

- Thực hiện công tác quản lý thuế, tiến hành thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa XK, NK; thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, ấn định thuế, gia hạn, theo dõi, thu thuế nợ đọng, cưỡng chế thuế theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

- Thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa XK, NK theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa XK, NK, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

- Thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại các quyết định hành chính và giải quyết tố cáo theo thẩm quyền của Chi cục Hải quan được pháp luật quy định.

- Kiến nghị với Lãnh đạo Cục những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về chính sách quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động XK, NK, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa XK, NK, các quy định, quy trình thủ tục hải quan và những vấn đề vượt thẩm quyền giải quyết của Chi cục.

- Kiểm tra, giám sát trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan việc thực hiện các quy định, quy trình nghiệp vụ hải quan của công chức thuộc Chi

cục để kịp thời phát hiện, xử lý đối với hành vi tiêu cực hoặc thực hiện chưa đúng quy định, quy trình của công chức.

- Thường xuyên theo dõi, thu thập, phân tích, so sánh, đánh giá thông tin, số liệu trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan và các nguồn thông tin khác để nhận định những phát sinh, thay đổi bất thường trên địa bàn Chi cục trong việc thực hiện công tác quản lý rủi ro để kịp thời phát hiện, xử lý, đề xuất Cục trưởng các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hải quan của các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về Hải quan cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động XNK trên địa bàn.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về hải quan theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng cục trưởng TCHQ.

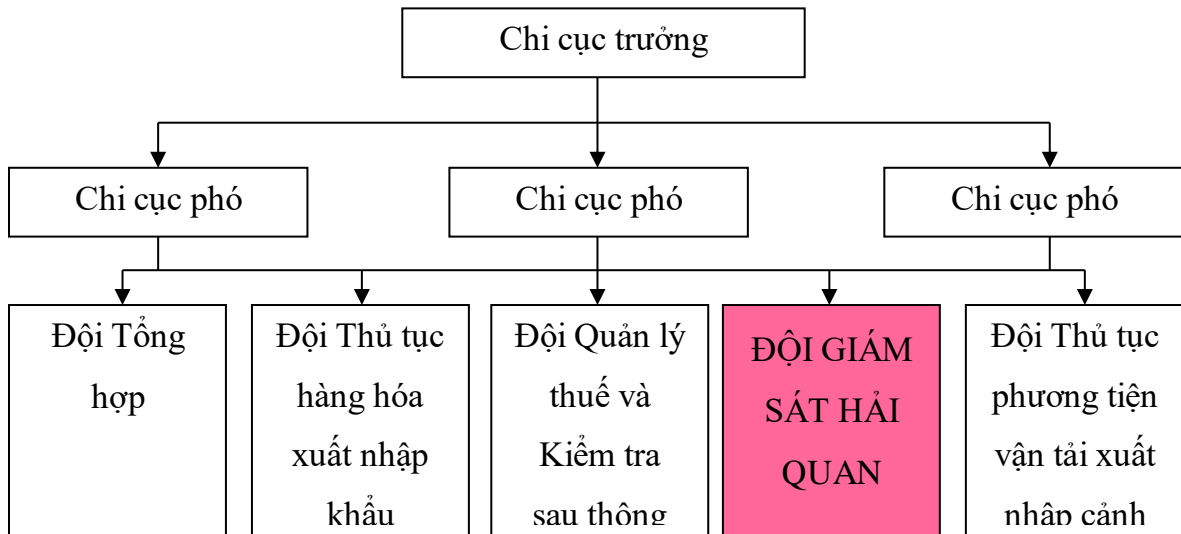
- Thực hiện các quy định về quản lý công chức, hợp đồng lao động và quản lý tài chính, tài sản, các trang thiết bị của Chi cục theo quy định và phân cấp của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức của Chi Cục

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ thực hiện theo Quyết định Số: 5415/QĐ-HQHP ngày 30/12/2016 của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Chi cục được mô tả trong hình vẽ 2.2

- Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ có Chi cục trưởng và 03 Phó chi cục trưởng. Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục. Phó chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về công việc được phân công phụ trách.



Hình 2.2: Cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Nguồn: Thông tin từ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

- *Đội Tổng hợp*: Đội Tổng hợp có Đội trưởng, Phó đội trưởng và công chức thừa hành do Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng bổ nhiệm. Đội có nhiệm vụ:

+ Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Tham mưu lãnh đạo Chi cục về xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết khiếu nại Quyết định hành chính, hành vi hành chính và giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chi cục được pháp luật quy định.

+ Tiếp nhận, kiểm tra và làm thủ tục xác nhận Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe gắn máy NK.

+ Thực hiện kiểm tra hành lý vượt quá định mức miễn thuế của thuyền viên, hành khách nhập cảnh.

+ Tham mưu Lãnh đạo về công tác tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao.

- *Đội Thủ tục hàng hóa XNK*: Đội Thủ tục hàng hóa XNK có Đội trưởng, 03 Phó đội trưởng và công chức thừa hành do Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng bổ nhiệm, Đội có nhiệm vụ:

+ Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan đối với hàng hóa XK, NK thuộc các loại hình (trừ loại hình gia công và sản xuất hàng XK) trong địa bàn được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp với các lực lượng chức năng khác để thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

+ Thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa XK, NK, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Chi cục.

+ Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền của Chi cục.

+ Kiến nghị, đề xuất với Lãnh đạo Chi cục những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về chính sách quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động XK, NK và chính sách thuế đối với hàng hóa XK, NK, các quy định, quy trình thủ tục hải quan và những vấn đề vượt thẩm quyền giải quyết của Đội.

+ Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về Hải quan cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động XNK trên địa bàn.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao.

- *Đội Quản lý thuế & Kiểm tra sau thông quan*: Quản lý thuế & Kiểm tra sau thông quan có Đội trưởng, 02 Phó đội trưởng và công chức thừa hành do Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng bổ nhiệm. Đội có nhiệm vụ:

+ Thực hiện công tác quản lý thuế thuộc thẩm quyền của Chi cục; thực hiện thu thuế và các khoản thu khác, ấn định thuế, hoàn thuế, không thu thuế đối với hàng hóa XK, NK theo quy định.

+ Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu thu nộp ngân sách hàng năm của Chi cục.

+ Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch công tác quản lý thuế; Thực hiện theo dõi, đôn đốc, áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế thuộc thẩm quyền của Chi cục.

- *Đội Thủ tục phương tiện vận tải xuất nhập cảnh*: Đội Thủ tục phương tiện vận tải xuất nhập cảnh có Đội trưởng, một Phó đội trưởng và công chức thừa hành do Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng bổ nhiệm. Đội có nhiệm vụ:

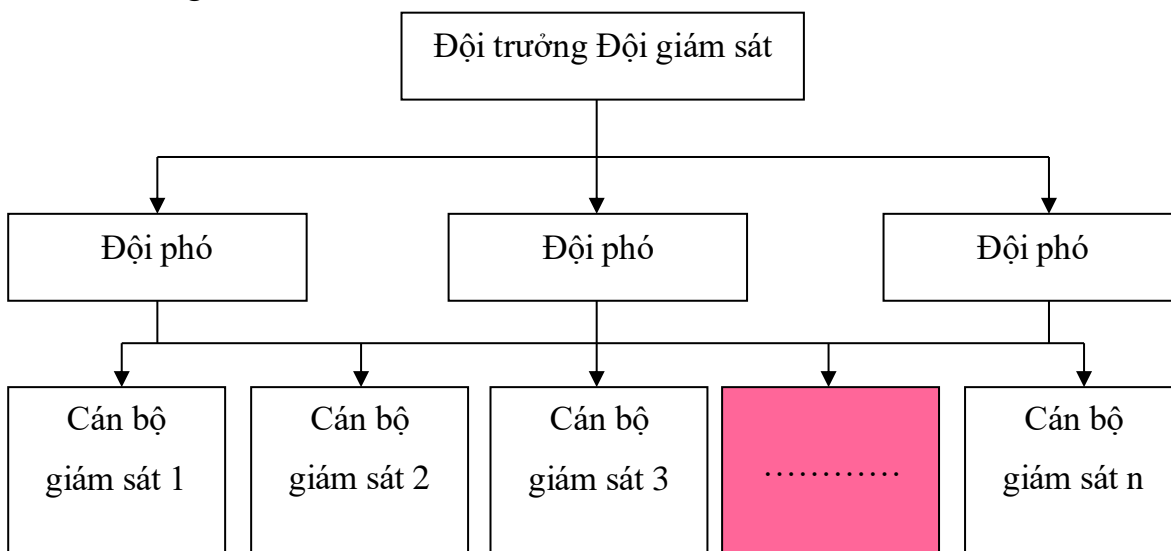
+ Thực hiện thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện cập nhật, thu thập, phân tích thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng và của TCHQ.

+ Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền của Chi cục.

+ Kiểm tra và niêm phong kho dự trữ của tàu biển theo quy định.

- *Đội giám sát hải quan*: Đội giám sát hải quan có Đội trưởng, 03 Phó đội trưởng và công chức thừa hành do Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng bổ nhiệm.



Hình 2.3: Cơ cấu tổ chức của Đội giám sát hải quan

Đội giám sát hải quan có nhiệm vụ:

+ Giám sát hàng hóa XK, NK tại các cảng, kho, bãi, địa điểm kiểm tra ngoài cửa khẩu; giám sát phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; giám sát hàng hóa, hành lý của thuyền viên và hành khách xuất cảnh, nhập cảnh thuộc địa bàn quản lý của Chi cục.

+ Thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát đối với hàng XK, NK, quá cảnh chuyển cửa khẩu, chuyển kho, chuyển cảng, chuyển bãi, chuyển tải, tạm dỡ, sang mạn, lưu kho.

+ Thực hiện thủ tục hải quan và giám sát hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoài quan trong địa bàn được giao quản lý.

+ Thực hiện công tác tuần tra, giám sát để phòng, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục.

Phối hợp với các lực lượng chức năng khác để thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ngoài phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về GSHQ của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi và các bên có liên quan.

+ Thực hiện xử lý vi phạm hành chính về hải quan theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền của Chi cục.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng giao.

2.1.4 Đội ngũ cán bộ, viên chức

Trong giai đoạn 2014 – 2017, tổng số cán bộ nhân viên tại Chi cục có xu hướng gia tăng khá nhanh. Năm 2014 đơn vị có 90 cán bộ, nhân viên. Năm 2015 tăng lên 93 người (tăng 3,3% so với năm 2014). Năm 2016 đơn vị có 95 cán bộ, nhân viên (tăng 2,2% so với năm 2015). Năm 2017 tăng lên 98 người (tăng 3,2% so với năm 2016).

**Bảng 2.1: Tình hình nhân sự của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng
Đình Vũ giai đoạn 2014-2017**

Stt	Phân loại	2014	2015	2016	2017
I	Phân theo trình độ chuyên môn				
1	Kiểm tra viên chính HQ	4	5	6	6
2	Kiểm tra viên HQ	82	82	83	85
3	Kiểm tra viên trung cấp và HĐ LĐ	4	6	6	7
II	Phân theo thâm niên công tác				
1	Từ 1 đến 5 năm	28	27	25	26
2	Trên 5 năm	62	66	70	72
III	Phân loại theo giới tính				
1	Nam	64	67	68	70
2	Nữ	26	26	27	28
	Tổng số	90	93	95	98

Nguồn: Thông tin từ Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Bảng số liệu 2.1 cho thấy, cơ cấu về chuyên môn, giới tính CBCC của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ thời gian qua được đánh giá là tương đối tốt, phù hợp với nhiệm vụ của Chi cục. Đối với cơ cấu về thâm niên công tác, do Chi cục thành lập chưa lâu, nên tỷ lệ CBCC có thâm niên công tác dưới 05 năm còn lớn, trình độ công chức không đồng đều, một số công chức mới được điều động luân chuyển về Chi cục chưa đáp ứng ngay được công việc. Đây được coi là một tiêu chí chưa tốt, bởi vì công việc của Chi cục có tính phức tạp cao, đòi hỏi cao về kinh nghiệm của đội ngũ CBCC. Do đó, trong thời gian tới, việc tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ cho công chức là một yêu cầu cấp thiết đòi hỏi Chi cục phải thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng CBCC trong điều kiện biên chế luôn thiếu so với nhiệm vụ đặt ra.

2.1.5 Một số kết quả đã đạt được của Chi Cục

Trong giai đoạn 2014-2017, hàng hóa làm thủ tục thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ chủ yếu là hàng rời và hàng đóng trong container. Các mặt hàng sắt thép, ô tô nguyên chiếc và phụ tùng, linh kiện lắp ráp ô tô, thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, lúa gạo, xăng dầu,... là những mặt hàng chủ đạo, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài quy mô về hàng hóa tăng lên, chủng loại hàng hóa cũng đa dạng hơn, chủ thể XNK càng đa thành phần, thị trường đi và đến ngày càng được mở rộng.

Số liệu trong bảng 2.2 cho thấy: Giá trị kim ngạch XK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng khá ổn định.

Năm 2013 kim ngạch XK đạt 318,628,322 USD (chiếm 81.12% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Năm 2014 kim ngạch XK đạt 346,335,129 USD (chiếm 80.96% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 8.70% so với cùng kỳ năm trước).

Năm 2015 kim ngạch XK đạt 376,451,224 USD (chiếm 80.79% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 8.70% so với năm 2014).

Năm 2016 kim ngạch XK đạt 414,096,349 USD (chiếm 80.65% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước).

Năm 2017 kim ngạch XK đạt 447,224,060 USD (chiếm 80.5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 8% so với năm 2016).

Kim ngạch NK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2013 – 2017 cũng tăng khá ổn định.

Năm 2013 kim ngạch NK đạt 74,134,819 USD (chiếm 18.88% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2014 kim ngạch NK đạt 81,466,831 USD (chiếm 19.04% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 9.89% so với cùng kỳ năm trước). Năm 2015 kim ngạch NK đạt 89,523,987 USD (chiếm 19.5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 9.89% so với năm 2014). Năm 2016 kim ngạch NK đạt 99,371,629 USD (chiếm 19.35% tổng kim ngạch xuất nhập

khẩu, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước). Năm 2017 kim ngạch NK đạt 108,315,079 USD (chiếm 19.5% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng 9% so với năm 2016).

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa (giai đoạn 2013 – 2017)

Bảng 2.2: Kim ngạch XNK hàng hóa qua các năm

Đơn vị: USD

Tiêu chí		Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng KN XNK
2013	Giá trị	318,628,322	74,134,819	392,763,141
	Tỷ lệ (%)	81.12	18.88	100.0
2014	Giá trị	346,335,129	81,466,831	427,801,960
	Tỷ lệ (%)	80.96	19.04	100.0
2015	Giá trị	376,451,224	89,523,987	465,975,211
	Tỷ lệ (%)	80.79	19.21	100.0
2016	Giá trị	414,096,349	99,371,629	513,467,978
	Tỷ lệ (%)	80.65	19.35	100.0
2017	Giá trị	447,224,060	108,315,079	555,539,139
	Tỷ lệ (%)	80.50	19.50	100.0
Chênh lệch 2014_2013	Giá trị	27,706,807	7,332,012	35,038,819
	Tỷ lệ (%)	8.70	9.89	8.92
Chênh lệch 2015_2014	Giá trị	30,116,095	8,057,156	38,173,251
	Tỷ lệ (%)	8.70	9.89	8.92
Chênh lệch 2016_2015	Giá trị	37,645,125	9,847,642	47,492,767
	Tỷ lệ (%)	10.00	11.00	10.19
Chênh lệch 2017_2016	Giá trị	33,127,711	8,943,450	42,071,161
	Tỷ lệ (%)	8.00	9.00	8.19

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục (2013 – 2017)

Nguyên nhân của sự thay đổi là do năm 2014, năm 2015 nền kinh tế khá ảm đạm nhưng sang năm 2017 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nên các

doanh nghiệp có xu hướng nhập khẩu trang thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất nên cả kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đều tăng.

Số lượng tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu Chi cục giải quyết

Bảng 2.3: Số lượng tờ khai XNK đã giải quyết tại Chi cục

(Đơn vị: tờ khai)

Tiêu chí		Số tờ khai XK	Số tờ khai NK	Tổng số TK
2013	Số lượng	9,697	24,783	34,480
	Tỷ lệ (%)	28.12	71.88	100.00
2014	Số lượng	10,537	27,231	37,768
	Tỷ lệ (%)	27.90	72.10	100.00
2015	Số lượng	12,393	31,297	43,690
	Tỷ lệ (%)	28.37	71.63	100.00
2016	Số lượng	13,879	33,800	47,679
	Tỷ lệ (%)	29.11	70.89	100.00
2017	Số lượng	16,376	37,179	53,555
	Tỷ lệ (%)	30.58	69.42	100.00
Chênh lệch 2014_2013	Số lượng	840	2,448	3,288
	Tỷ lệ (%)	8.66	9.88	9.54
Chênh lệch 2015_2014	Số lượng	1,856	4,066	5,922
	Tỷ lệ (%)	17.61	14.93	15.68
Chênh lệch 2016_2015	Số lượng	1,486	2,503	3,989
	Tỷ lệ (%)	11.99	8.00	9.13
Chênh lệch 2017_2016	Số lượng	2,497	3,379	5,876
	Tỷ lệ (%)	17.99	10.00	12.32

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ (giai đoạn 2013 – 2017)

Hiện nay, hàng hóa làm thủ tục thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ chủ yếu là hàng rời và hàng đóng trong container. Các

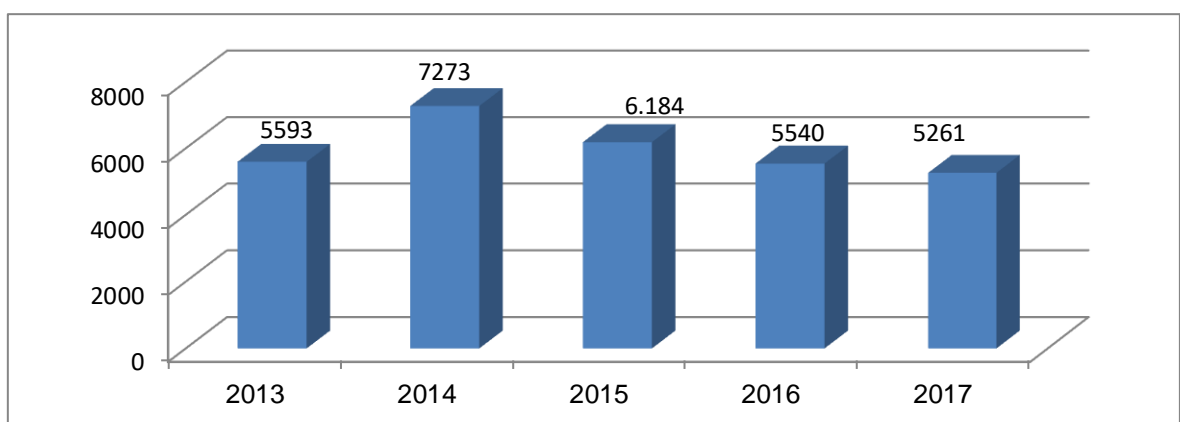
mặt hàng sắt thép, ô tô nguyên chiếc và phụ tùng, linh kiện lắp ráp ô tô, thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, lúa gạo, xăng dầu, ... là những mặt hàng chủ đạo, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài quy mô về hàng hóa tăng lên, chủng loại hàng hóa cũng đa dạng hơn, chủ thể XNK càng đa thành phần, thị trường đi và đến ngày càng được mở rộng... do đó khâu GSHQ ngày càng được coi là khâu quan trọng trong nghiệp vụ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.

Theo số liệu bảng 2.3 cho thấy: Số lượng tờ khai XNK mà Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đình Vũ giải quyết được trong giai đoạn 2013 – 2017 tăng khá ổn định, phù hợp với biến động tăng, giảm của kim ngạch XNK hàng hóa như phân tích phía trên. Có được kết quả này là do năm 2016 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và đặc biệt là sự cố gắng vượt bậc của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.

Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước

Giá trị nộp ngân sách Nhà nước của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2013 – 2017 có xu hướng giảm dần.

Đơn vị tính: Tỷ đồng



(Nguồn: Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ)

Hình 2.4: Giá trị nộp ngân sách Nhà nước giai đoạn 2013 – 2017

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm này là do thuế suất của một số mặt hàng đã giảm dẫn đến sự suy giảm trong tổng số thu ngân sách nhà nước.

2.2 Thực trạng công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

2.2.1 Thực trạng về đội ngũ cán bộ GSHQ tại Chi cục

Bảng 2.4: Số lượng cán bộ GSHQ tại Chi cục

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số CBCC của Chi cục	88	90	93	95	98
CBCC thuộc Đội GSHQ	35	36	37	38	39
Tỷ lệ (%)	39.8	40.0	39.8	40.0	39.8

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi Cục

Qua số liệu trên cho thấy, biên chế của Đội GSHQ có xu hướng tăng trong giai đoạn từ 2013 đến 2017. Số lượng cán bộ làm công tác GSHQ tại Chi cục trung bình chiếm tỷ lệ 40% trên tổng số cán bộ công chức toàn Chi Cục, cụ thể:

Năm 2013 số cán bộ công chức GSHQ là 35 người chiếm tỷ lệ 39,8%; Năm 2014 là 36 người chiếm tỷ lệ 40%; Năm 2015 là 37 người chiếm tỷ lệ 39.8%; Năm 2016 là 38 người chiếm tỷ lệ 40%; Năm 2017 là 39 người chiếm tỷ lệ 39,8%.

Cán bộ làm công tác GSHQ tại Chi cục chủ yếu từ hai nguồn: tuyển dụng mới và điều chuyển, luân chuyển từ các Phòng ban, Chi cục bộ phận nghiệp vụ khác. Công tác luân chuyển cán bộ làm công tác GSHQ được triển khai theo quy định trong quy chế bắt buộc phải luân chuyển vị trí theo định kỳ theo quy định của ngành Hải quan bao gồm cả luân chuyển cán bộ theo tính

chất công việc và luân chuyển cán bộ theo địa bàn công tác. Chính yêu cầu về luân chuyển cán bộ đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc ổn định của lực lượng GSHQ tại Chi cục.

Bên cạnh áp lực từ cơ chế luân chuyển cán bộ thì tỷ lệ công chức trẻ khá cao cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng GSHQ tại Chi cục. Đội ngũ công chức dưới 35 tuổi mặc dù được có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, nhiệt tình học hỏi song kinh nghiệm công tác còn nhiều hạn chế, đặc biệt là nghiệp vụ giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình GSHQ.

Bảng 2.5: Số lượng cán bộ GSHQ tại Chi cục

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	Trung bình
CBCC thuộc Đội GSHQ	Số lượng	35	36	37	38	39	37
	Tỷ lệ (%)	100	100	100	100	100	100
<i>- Dưới 35 tuổi</i>	<i>Số lượng</i>	<i>6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>5.4</i>
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>17.1</i>	<i>13.9</i>	<i>16.2</i>	<i>13.2</i>	<i>12.8</i>	<i>14.6</i>
<i>- Từ 35 - 50 tuổi</i>	<i>Số lượng</i>	<i>21</i>	<i>23</i>	<i>22</i>	<i>24</i>	<i>25</i>	<i>23</i>
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>60</i>	<i>63.9</i>	<i>59.5</i>	<i>63.2</i>	<i>64.1</i>	<i>62.1</i>
<i>- Trên 50 tuổi</i>	<i>Số lượng</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>8.6</i>
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>22.9</i>	<i>22.2</i>	<i>24.3</i>	<i>23.7</i>	<i>23.1</i>	<i>23.2</i>

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi Cục

Qua số liệu từ bảng 2.5 cho thấy, bên cạnh đội ngũ công chức trẻ thì tỷ lệ công chức trên 50 tuổi cũng chiếm khá cao. Đây là đội ngũ giàu kinh nghiệm, biết cách giải quyết các tình huống thực tế song ngại cập nhật kiến thức mới nên hiệu quả công tác GSHQ chưa cao.

Thực trạng này vừa là điểm yếu về đội ngũ nhân lực của Chi cục, song nó cũng là cơ hội để Chi cục nâng cao hiệu quả công tác GSHQ nếu Chi cục biết kết hợp đào tạo và đào tạo chéo giữa 2 đội ngũ này.

Phần lớn cán bộ GSHQ được luân chuyển từ các Phòng ban, Chi cục, bộ phận nghiệp vụ khác, do đã trải qua các nghiệp vụ hải quan khác nhau nên có ít nhiều kinh nghiệm và do tính chất nghiệp vụ yêu cầu. Hầu hết các cán bộ chỉ về đội GSHQ dưới 3 năm đã luân chuyển.

Trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, Chi cục đã cử gần 60 lượt người đi đào tạo các khóa học và bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức hải quan làm công tác GSHQ. Tỷ lệ số cán bộ công chức GSHQ có trình độ thành thạo về các nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho công tác GSHQ cũng có sự thay đổi, làm ảnh hưởng đến nghiệp vụ chuyên môn trong công tác của các cán bộ công chức mà một phần nguyên nhân là do sự luân chuyển cán bộ như đã đề cập ở trên.

Với xu hướng phát triển của GSHQ trong thời gian tới, có thể thấy rằng, số lượng và chất lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của công tác GSHQ trong giai đoạn hiện tại và trong những năm sắp tới là một trong những vấn đề cấp thiết và quan trọng của lực lượng GSHQ.

2.2.2 Thực trạng giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng

Trong giai đoạn 2014-2017, công tác GSHQ đối với hàng hóa NK đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đã được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định hiện hành. Kết quả được thể hiện trong bảng 2.6.

Trong giai đoạn 2014-2017, số vụ vi phạm hành chính về hải quan đối với hàng hóa NK có xu hướng tăng lên. Nhận thức nhiệm vụ đấu tranh chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là nhiệm vụ hàng đầu của đơn vị. Chi cục đã có kế hoạch, biện pháp tăng cường đấu tranh

chống buôn lậu chặt chẽ, linh hoạt và đạt hiệu quả tốt. Bố trí lực lượng trực ngoài giờ đảm bảo theo yêu cầu của công tác chuyên môn. Chi cục đã chủ động phân công lực lượng thường trực tại cửa khẩu đảm bảo giải quyết thủ tục nhanh chóng, đúng pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các doanh nghiệp hoạt động XNK.

Bảng 2.6: Kết quả GSHQ hàng hóa NK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2014 - 2017

(Đơn vị: tờ khai)

S tt	Tiêu chí	2014	2015	2016	2017	So sánh (+/-)		
						15/14	16/15	17/16
1	Số lượng tờ khai NK được GS	52,650	47,385	58,500	65	(5,265)	11,115	6,500
2	Số lượng Cont NK được GS	99,015	89,112	110,016	122,637	(9,903)	20,904	16,669
3	Số lượng Cont NK phải kiểm tra thực tế	25,652	23,088	28,504	31,672	(2,564)	5,416	3,168
4	Số Cont NK phát hiện VP PL HQ bị lập biên bản xử lý	126	145	152	158	19	7	6

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Đội GSHQ các năm từ 2014 đến 2017

2.2.3 Thực trạng giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng

Kết quả công tác GSHQ hàng hóa XK đưa vào, lưu giữ, đưa ra khu vực Cảng thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2014-2017 được thể hiện trong bảng 2.7.

Số liệu trong bảng 2.7 cho thấy sự gia tăng trong số lượng hàng hóa XK vi phạm pháp luật hải quan được phát hiện qua công tác GSHQ của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ các năm giai đoạn 2014-2017.

Hành vi vi phạm chủ yếu như: XK hàng hóa không khai báo hải quan đối với những mặt hàng phải có giấy phép; không khai tên hàng XK để trốn thuế, gian lận thuế; Khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa quá cảnh,...

Bảng 2.7: Kết quả GSHQ hàng hóa XK tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ giai đoạn 2014-2017

Stt	Tiêu chí	2014	2015	2016	2017	So sánh (+/-)		
						15/14	16/15	17/16
1	Số lượng tờ khai XK được giám sát	13628	12265	15142	16825	-1363	2877	1683
2	Số lượng Cont XK được giám sát	45799	41220	50887	56542	-4579	9667	5655
3	Số lượng Cont XK phải kiểm tra thực tế	11450	10305	12722	14135	-1145	2417	1414
4	Số lượng Cont XK phát hiện vi phạm pháp luật hải quan bị lập biên bản xử lý	45	52	60	65	7	8	5

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Đội GSHQ các năm từ 2014 đến 2017

Thời gian qua, ngay từ đầu mỗi năm, Chi cục đã chủ động xây dựng kế hoạch đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, đồng thời đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hải quan; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài Ngành, thu thập thông tin phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại

và hàng giả, chú trọng các đối tượng có biểu hiện nghi vấn, rủi ro cao; hỗ trợ thông tin, tình hình hai chiều giữa các cơ quan chuyên trách tại cửa khẩu hai nước; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp, vận động nhân dân trên địa bàn không tiếp tay cho các đối tượng buôn lậu, gian lận thương mại.

2.2.4 Đánh giá của CBCC Hải quan và doanh nghiệp về công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

Trong quá trình nghiên cứu, để có thể đưa ra những kết luận chính xác nhất về công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục, tác giả đã thực hiện điều tra khảo sát để lấy ý kiến của 2 nhóm: (1)CBCC làm việc tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ (18 phiếu) và (2)Các doanh nghiệp XNK thường xuyên qua Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ (68 phiếu).

2.2.4.1. Đánh giá quy trình thủ tục giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Việc triển khai Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển (gọi tắt là VASSCM) có ý nghĩa quan trọng trong công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa của ngành Hải quan. Kết quả triển khai tại khu vực cảng Hải Phòng bước đầu khẳng định được hiệu quả thiết thực trong đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian thông quan và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan. Đối với Quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK, mặc dù không có CBCC nào lựa chọn đánh giá “không đồng ý” đối với cả 05 tiêu chí được đưa ra, nhưng có thể thấy, một số tiêu chí chủ yếu vẫn chỉ được đánh giá ở mức khá hoặc trung bình, biểu hiện ở tỷ lệ lựa chọn phương án “đồng ý một phần” còn cao. Thực tế cho thấy do lượng hàng hóa XNK qua Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ thời gian gần đây có sự gia tăng khá nhanh, trong khi lực lượng CBCC GSHQ còn mỏng, chất lượng chưa thật sự tốt, khiến cho việc thực hiện nghiệp vụ giám sát còn chậm. Ngoài ra, sự thoái hóa,

biên chất của một số cá nhân CBCC gây những phiền hà cho doanh nghiệp XNK đã xuất hiện trong thời gian gần đây. Trước tình hình đó, Chi cục cũng như Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã có phương án xử lý thỏa đáng để lành mạnh hóa công tác GSHQ.

Bảng 2.8: Đánh giá của CBCC về quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cơ chế quản lý hoạt động GSHQ hiện nay là hợp lý	18	6	33.3	10	55.6	2	11.1	-	-
2	Các văn bản quy định và hướng dẫn trong việc GSHQ đầy đủ, khoa học	18	2	11.1	9	50.0	1	5.6	6	33
3	Các biểu mẫu trong thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK dễ hiểu, dễ sử dụng	18	11	61.1	6	33.3	1	5.6	-	-
4	Thời hạn kiểm tra, giám sát ngày một nhanh chóng, tạo thuận lợi cho DN XNK	18	12	66.7	5	27.8	1	5.6	-	-
5	CBCC hải quan luôn tuân thủ quy trình thủ tục thực hiện công tác GSHQ, không gây khó khăn đối với DN XNK	18	13	72.2	4	22.2	1	5.6	-	-

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Để thấy rõ hơn về chất lượng dịch vụ trong công tác GSHQ, tác giả khảo sát cùng bộ 5 tiêu chí về GSHQ đối với đại diện 68 Doanh nghiệp XNK thường xuyên qua Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ.

Cùng một bộ tiêu chí được đưa ra để đánh giá về quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK, có thể nhận thấy sự tương đồng trong quan điểm đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ CBCC hải quan (mặc dù cộng đồng doanh nghiệp đánh giá các tiêu chí thấp hơn một chút).

Về cơ bản ngành Hải quan đã thực hiện cải cách hiện đại hóa, với tinh thần giảm tối đa các chi phí cho doanh nghiệp, tạo điều kiện nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại. Những năm qua, ngành Hải quan đã nỗ lực triển khai thực hiện quyết liệt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao công tác quản lý, giảm giấy tờ. Theo đó hầu hết chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan đã được bỏ, chỉ còn lại một số chứng từ liên quan đến quản lý chuyên ngành của các lĩnh vực khác như nông nghiệp, y tế, công thương, các chứng từ ưu đãi,...

Kết quả điều tra cho thấy thể hiện trong bảng 2.8 và 2.9 cho thấy, cơ chế quản lý hoạt động GSHQ, các văn bản, biểu mẫu cơ bản được đánh giá tốt. Điều đó nói lên cơ chế quản lý, các văn bản hướng dẫn cũng như các biểu mẫu là tương đối phù hợp với công tác GSHQ hiện nay.

Ngoài ra, về thời gian thực hiện GSHQ đối với 01 lô hàng hóa XNK, các bảng kết quả khảo sát trên cho thấy tiêu chí này được đánh giá khá tốt. Thời gian giải quyết thủ tục thông quan đối với một tờ khai tại khu vực GSHQ được giảm từ 3-5 phút do giảm thời gian đi lại, làm thủ tục tại bộ phận GSHQ của doanh nghiệp.

Bảng 2.9: Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cơ chế quản lý hoạt động GSHQ hiện nay là hợp lý	68	20	29.4	33	183.3	15	83.3	-	-
2	Các văn bản quy định và hướng dẫn trong việc GSHQ đầy đủ, khoa học	68	21	30.9	40	58.8	7	10.3	-	-
3	Các biểu mẫu trong thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK dễ hiểu, dễ sử dụng	68	31	45.6	35	51.5	2	2.9	-	-
4	Thời hạn kiểm tra, giám sát ngày một nhanh chóng, tạo thuận lợi cho DN XNK	68	29	42.6	34	50.0	5	7.4	-	-
5	CBCC hải quan luôn tuân thủ quy trình thủ tục thực hiện công tác GSHQ, không gây khó khăn đối với DN XNK	68	18	26.5	25	36.8	17	25.0	8	12

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Những kết quả đạt được trong việc cải cách quy trình thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực:

Thứ nhất, đối với việc quản lý Nhà nước của cơ quan hải quan:

- Giảm thời gian thông quan (khoảng 3 phút/1 Cont), bình quân 1 ngày Cảng Đình Vũ giải phóng 400 Cont x 3 phút = 12 giờ.

- Giảm một bước nghiệp vụ tại KVGs (bước xác nhận hàng hóa qua khu vực giám sát), việc này giảm được ít nhất 2 công chức hải quan.

- Giúp cho cơ quan Hải quan kịp thời nắm bắt thời điểm lô hàng hay Cont ra vào Cảng, số lượng hàng, Cont tồn trong Cảng đối với từng con tàu, những lô hàng quá hạn làm thủ tục hải quan hay vị trí cụ thể của từng Cont... từ đó đưa ra các quyết định xử lý phù hợp.

- Công tác quản lý rủi ro, kiểm soát chống buôn lậu, GSHQ được thực hiện hiệu quả hơn do có đầy đủ thông tin về vị trí Cont hạ bãi, số chuyến và tên tàu, đồng thời giúp tăng cường tính tuân thủ của hoạt động XNK.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp XNK:

- Khi làm thủ tục nhận hàng tại Cảng không phải làm thủ tục tại khâu nghiệp vụ GSHQ.

- Chủ động về thời gian nhận hàng tại Cảng, có thể nhận 24/24h trong tuần.

- Giảm việc phải xuất trình chứng từ, giấy tờ.

- Giảm chi phí nhân công lao động, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý.

Thứ ba, đối với doanh nghiệp kinh doanh Cảng:

- Chủ động về thời gian giao, nhận hàng giữa Cảng và người khai hải quan, Cảng có thể giao hàng 24/24h trong tuần.

- Nâng cao uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp KDC. Tăng tốc độ giải phóng mặt bằng xếp Cont của doanh nghiệp KDC dẫn đến làm tăng hiệu suất khai thác bến bãi.

- Ngăn chặn nguy cơ kẻ gian làm giả chứng từ thông quan hàng hóa của hải quan để rút hàng ra khỏi Cảng.

- Đảm bảo doanh nghiệp KDC có đầy thông tin về tình trạng cấp phép thông quan (từ cơ quan Hải quan) đối với từng lô hàng, từng Cont để cho hàng ra vào Cảng theo đúng quy định của pháp luật tránh rủi ro so với thực hiện trao đổi bằng thủ tục giấy....

Như vậy có thể khẳng định rằng, quá trình triển khai thực hiện kết nối hệ thống trao đổi thông tin về hàng hóa XK, NK tại Cảng biển Hải Phòng đã thể hiện rõ tính ưu việt trong cải cách, đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm thời gian đi lại của doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan hàng hóa tại khu vực GSHQ

2.2.4.2. Đánh giá về đội ngũ cán bộ, công chức giám sát hải quan

Trong nhiều năm qua, ngành Hải quan luôn quan tâm đến công tác quản lý cán bộ, ngày 12/5/2016, Tổng cục trưởng TCHQ mới ban hành Chỉ thị số 3957/CT-TCHQ về việc đẩy mạnh hoạt động đổi mới quản lý nguồn nhân lực Hải quan dựa trên vị trí việc làm giai đoạn 2016-2020. Đây là lần đầu tiên TCHQ ban hành Chỉ thị liên quan đến đẩy mạnh hoạt động đổi mới quản lý nguồn nhân lực theo năng lực. Rõ ràng đây là bước đổi mới, đột phá của ngành Hải quan trong vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, song song với việc tiếp tục cải cách, hiện đại hóa thể chế, thủ tục hải quan, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và trang thiết bị đã được chú trọng trong thời gian qua.

Theo đó tại Cục Hải quan Hải Phòng nói chung, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ nói riêng đã và đang đẩy mạnh nghiên cứu, xây dựng và triển khai các chủ trương, định hướng về đổi mới phương pháp quản lý nguồn nhân lực theo năng lực, trong đó tập trung vào các hoạt động: rà soát Danh mục vị trí việc làm và Bản mô tả công việc chung của từng vị trí việc làm; đẩy mạnh việc xây dựng và triển khai các Khung năng lực chuyên môn

nghiệp vụ đối với tất cả các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ; nghiên cứu, xây dựng khung chương trình, biên soạn tài liệu đào tạo, tổ chức đào tạo theo năng lực đối với các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ; ứng dụng kết quả vào việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, điều động, luân phiên, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm,...

Riêng tại Đội GSHQ thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, trong thời gian qua, để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, Lãnh đạo Đội đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Chi bộ Đảng, Tổ công đoàn trong việc phổ biến, quán triệt các văn bản, chỉ thị, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến từng CBCC trong đơn vị, đặc biệt là phổ biến quán triệt các Quyết định, văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác nghiệp vụ của Đội.

Trên cơ sở phân công cụ thể trách nhiệm của từng đồng chí lãnh đạo Đội, Đội đã có quy định cụ thể về phân công nhiệm vụ và lề lối làm việc đối với cán bộ công chức trong Đội để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức trong Đội; nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận công tác để thực hiện nhiệm vụ chung của đơn vị.

Hàng tháng, Đội đều tổ chức họp rút kinh nghiệm trong tập thể CBCC để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đồng chí lãnh đạo Đội cũng như các cá nhân công chức tại từng bộ phận công tác, đồng thời rút kinh nghiệm trong công tác để đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Đội được thực hiện thống nhất và đạt hiệu quả cao.

Cá nhân đồng chí đội trưởng luôn đi sâu đi sát, nắm bắt kịp thời các khó khăn vướng mắc trong công tác nghiệp vụ tại các bộ phận công tác để chỉ đạo các đồng chí phó đội trưởng phụ trách trực tiếp nhằm giải quyết kịp thời đối với các vướng mắc phát sinh. Đảm bảo thông quan nhanh chóng, đúng quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua khu vực giám sát.

Các đồng chí phó đội trưởng đều gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được phân công; thực hiện nghiêm túc chế độ thỉnh thị báo cáo; làm tốt công tác lãnh đạo chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ tại các bộ phận công tác được phân công phụ trách cũng như việc thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Đội.

Bảng 2.10 và bảng 2.11 cho thấy, đối với 04 chỉ tiêu đánh giá về đội ngũ CBCCGSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ được đánh giá chủ yếu ở các lựa chọn “hoàn toàn đồng ý” và “đa phần đồng ý”. Điều đó có nghĩa là đội ngũ CBCC GSHQ cơ bản đáp ứng với yêu cầu công việc hiện tại của Chi cục.

Tại Chi cục hiện nay, độ tuổi trung bình của CBCC làm GSHQ tương đối trẻ; hầu hết có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, được đào tạo cơ bản tốt. Hơn nữa, CBCC đều an tâm công tác, nhiệt tình với công việc, sử dụng thành thạo vi tính, ngoại ngữ nên phục vụ tốt cho công tác khai thác thông tin và công tác nghiệp vụ.

Trong học tập rèn luyện, nhiều CBCC đã có tinh thần phấn đấu vươn lên vừa học vừa làm, có ý thức tìm tòi sáng tạo, có nhiều ý kiến đóng góp xây dựng và cải tiến phương pháp làm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Dù ở vị trí công tác nào, đều làm việc hăng say, nhất là những khi công việc đột xuất dồn dập, không kể ngày đêm, ngày nghỉ miệt mài vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ; nhiều đồng chí thường xuyên tiếp xúc với khách hàng, quản lý một lượng tiền và hàng hoá lớn vẫn luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm không để xảy ra nhầm lẫn sai sót hoặc lợi dụng làm thất thoát tài sản Nhà nước.

Điều đáng ghi nhận là thông qua việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của từng CBCC đã tôi luyện đội ngũ công chức ngày càng trưởng thành về mọi mặt từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Hải quan.

Bảng 2.10: Đánh giá của CBCC về đội ngũ CBCCGSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng CBCC GSHQ đáp ứng được nhu cầu của công tác GSHQ hiện nay	18	6	33.3	10	55.6	2	11.1	-	-
2	CBCC GSHQ thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ	18	7	38.9	8	44.4	3	16.7	-	-
3	Các yêu cầu hợp pháp của doanh nghiệp XNK liên quan đến nghiệp vụ hải quan luôn được CBCC GSHQ đáp ứng một cách hợp lý	18	8	44.4	7	38.9	3	16.7	-	-
4	CBCC GSHQ có thái độ làm việc đúng mực	18	9	50.0	7	38.9	2	11.1	-	-

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Bảng 2.11: Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về đội ngũ CBCCGSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng CBCC GSHQ đáp ứng được nhu cầu của công tác GSHQ hiện nay	68	25	36.8	31	45.6	9	13.2	3	4.4
2	CBCC GSHQ thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ	68	27	39.7	26	38.2	15	22.1	-	-
3	Các yêu cầu hợp pháp của doanh nghiệp XNK liên quan đến nghiệp vụ hải quan luôn được CBCC GSHQ đáp ứng một cách hợp lý	68	22	32.4	32	47.1	14	20.6	-	-
4	CBCC GSHQ có thái độ làm việc đúng mực	68	21	30.9	29	42.6	11	16.2	7	10.3

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Cũng như đánh giá của CBCC hải quan, cơ bản các ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp đều đánh giá khá đối với các tiêu chí được đưa ra. Tuy nhiên, cũng như đánh giá của CBCC hải quan thì chỉ tiêu số lượng CBCC và thái độ làm việc của CBCCGSHQ tại Chi cục chưa nhận được cảm nhận tích cực từ phía các đối tượng đánh giá.

2.2.4.3. Đánh giá về công tác tuyên truyền, hỗ trợ và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong quá trình giám sát hải quan

Trong quá trình thực hiện công tác GSHQ, CBCC GSHQ của Chi cục đã quan tâm đến công tác tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp XNK. Nội dung hoạt động này bao gồm:

- Tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan XNK hàng hóa tại Chi cục.

- Tuyên truyền các Luật, nghị định, Thông tư và các văn bản mới liên quan đến chính sách hàng hóa XNK, chính sách thuế và các chính sách liên quan đến hoạt động XNK, liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Tuyên truyền về công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại. Thông tin tố giác về các đối tượng lợi dụng chính sách pháp luật để chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại và đặc biệt là các đường dây ổ nhóm hoạt động có tổ chức và tính chất chuyên nghiệp.

- Tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật và công bố các vụ việc buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại được bắt giữ.

Theo đánh giá của tác giả, việc thường xuyên tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp XNK về những chủ chương, chính sách mới, trong đó có các quy định về phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại trong thời gian qua đã có tác động tốt đến nhận thức của các doanh

ngành XNK trên địa bàn. Tuy nhiên, buôn lậu, gian lận thương mại là vấn đề mang nặng tính chủ quan. Thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp, cá nhân nắm rõ được những quy định của luật pháp về vấn đề này, nhưng vì lợi nhuận mà họ vẫn bất chấp để thực hiện. Do đó theo đánh giá chủ quan của tác giả, hoạt động tuyên truyền pháp luật được Chi cục thực hiện có tác động chưa lớn đến việc cải thiện tình hình buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn.

Qua bảng 2.12 cho thấy, hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp XNK trong quá trình GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ chưa được đánh giá tốt.

Thực tế thì hoạt động này chưa được thực hiện thường xuyên, tần suất thấp; việc truyền tải nội dung tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp khá cứng nhắc, khó tạo được ấn tượng sâu sắc và phong trào sâu rộng trong cộng đồng doanh nghiệp XNK.

Bảng 2.12: Đánh giá CBCC và Doanh nghiệp về hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp XNK trong quá trình GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
I	Kết quả khảo sát CBCC									
1	CBCC GSHQ thường xuyên tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin mới về pháp luật, quy trình, thủ tục hải quan,... cho doanh nghiệp	18	6	33.3	9	50.0	3	16.7	-	-
2	Việc tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin có tác động tích cực đến nhận thức của DN XNK	18	8	44.4	7	38.9	3	16.7	-	-
II	Kết quả khảo sát DN									
1	CBCC GSHQ thường xuyên tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin mới về pháp luật, quy trình, thủ tục hải quan,... cho doanh nghiệp	68	21	30.9	32	47.1	10	14.7	5	7.4
2	Việc tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin có tác động tích cực đến nhận thức của DN XNK	68	22	32.4	29	42.6	11	16.2	6	8.8

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

2.2.4.4. Đánh giá về công cụ, dụng cụ, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giám sát hải quan

Công cụ, dụng cụ, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ GSHQ là một nhân tố quan trọng góp phần vào hiệu quả của công tác GSHQ tại Chi cục. Như đã đề cập, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã triển khai Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển (VASSCM) tại các đơn vị trong toàn Cục, đây là công cụ có ý nghĩa thiết thực trong đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian thông quan và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

Kết quả khảo sát tại bảng 2.13 và 2.14 cho thấy phương tiện hiện đại, hệ thống CNTT phục vụ GSHQ hàng hóa XK, NK của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ nhận được sự đánh giá tích cực từ cả các CBCC hải quan cũng như từ phía cộng đồng doanh nghiệp XNK.

Kể từ khi triển khai thí điểm hệ thống VASSCM (ngày 15/8/2017) đến nay, có thể khẳng định Hệ thống đã mang lại hiệu quả lớn trong cải cách, hiện đại hóa hải quan.

Về tổng quan, đối với cơ quan Hải quan, Hệ thống được kết nối tự động với Cơ chế một cửa quốc gia để khai thác giúp sử dụng hiệu quả nguồn thông tin e-Manifest; Hệ thống VNACCS/VCIS, E-Customs (V5) phục vụ công tác kiểm tra, giám sát. Qua đó cơ quan Hải quan quản lý được toàn bộ diễn biến của hàng hóa XNK tại khu vực cảng, kho, bãi và lịch sử lô hàng từ khi vào Việt Nam. Hệ thống cũng giúp loại bỏ triệt để các tác nghiệp thủ công, sử dụng văn bản giấy trong một số công đoạn nghiệp vụ của công chức. Nhờ đó, cơ quan Hải quan tập trung lực lượng cho giám sát, kiểm soát đối với những lô hàng, doanh nghiệp trọng điểm có rủi ro cao, tránh việc kiểm tra, kiểm soát tràn lan, nâng cao hiệu quả phương thức quản lý rủi ro- một bước đi cụ thể trong áp dụng chuẩn mực, thông lệ quốc tế về quản lý hải quan hiện đại.

Bảng 2.13: Đánh giá của CBCC về phương tiện, thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ GSHQ hàng hóa XNK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Chi cục Hải quan sử dụng hệ thống điện tử, phương tiện hiện đại trong GSHQ hàng hóa XNK	18	12	66.7	6	33.3	-	-	-	-
2	Hệ thống CNTT phục vụ GSHQ giúp cho cơ quan hải quan kiểm soát một cách tốt nhất lượng hàng hóa XNK đưa vào, lưu trữ, đưa ra khu vực GSHQ	18	10	55.6	6	33.3	2	11.1	-	-
3	Phương tiện hiện đại trong GSHQ hàng hóa XNK, hệ thống CNTT giúp công tác thông quan hàng hóa XNK được thuận tiện, nhanh chóng	18	15	83.3	3	16.7	-	-	-	-

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Bảng 2.14: Đánh giá của DN về phương tiện, thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ GSHQ hàng hóa XNK của Chi cục

Stt	Nội dung đánh giá	Số người trả lời	Phương án đánh giá							
			Hoàn toàn đồng ý		Đa phần đồng ý		Đồng ý một phần		Không đồng ý	
			Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)	Phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Chi cục Hải quan sử dụng hệ thống điện tử, phương tiện hiện đại trong GSHQ hàng hóa XNK	68	42	61.8	19	27.9	7	10.3	-	-
2	Hệ thống CNTT phục vụ GSHQ giúp cho cơ quan hải quan kiểm soát một cách tốt nhất lượng hàng hóa XNK đưa vào, lưu trữ, đưa ra khu vực GSHQ	68	40	58.8	17	25.0	11	16.2	-	-
3	Phương tiện hiện đại trong GSHQ hàng hóa XNK, hệ thống CNTT giúp công tác thông quan hàng hóa XNK được thuận tiện, nhanh chóng	68	49	72.1	11	16.2	8	11.8	-	-

Nguồn: Tính toán theo kết quả điều tra của tác giả

Triển khai Hệ thống cũng là bước đi cụ thể, đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan theo Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan giai đoạn 2016-2020 đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

Một ý nghĩa thiết thực khác là góp phần tinh gọn, tinh giản về tổ chức, biên chế, nhưng vẫn nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quá trình hoạt động theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII. Đồng thời giúp doanh nghiệp kinh doanh cảng được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về tình trạng cấp phép thông quan (từ cơ quan Hải quan) với từng lô hàng, từng container, để giảm thiểu rủi ro trong thực hiện thủ tục giao, nhận hàng so với thực hiện bằng chứng từ giấy; có thể thực hiện chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ giao nhận hàng hóa đảm bảo nhanh chóng, chính xác, khoa học và minh bạch; nâng cao uy tín, tăng khả năng tiếp nhận, khai thác hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Đối với doanh nghiệp XNK, Hệ thống trao đổi thông tin và xử lý dữ liệu 24/24 giờ giúp doanh nghiệp hoàn toàn chủ động kế hoạch giao nhận hàng hóa tại cảng, không phụ thuộc vào thời gian làm việc của cơ quan Hải quan. Mặt khác, cắt giảm thủ tục xuất trình chứng từ giấy để cơ quan Hải quan kiểm tra, xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát. Theo ghi nhận, điều này giúp rút ngắn thời gian làm thủ tục giao nhận hàng từ 5 đến 7 lần so với trước đây, cùng với đó là cắt giảm về chi phí đi lại để giải quyết thủ tục đưa hàng ra, vào khu vực cảng.

Đối với hãng tàu và đại lý hãng tàu, nhờ việc giải phóng hàng hóa nhanh chóng nên thời gian quay vòng sử dụng vỏ container được rút ngắn, hỗ trợ doanh nghiệp tăng khả năng khai thác, nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải quốc tế.

2.3 Đánh giá công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ

2.3.1 Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2014-2017, việc thực hiện tốt công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục đã góp phần quan trọng trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại. Có được thành quả này là do sự tâm huyết, cố gắng hết mình của các CBCC trong Đội giám sát tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ. Có thể thấy được những điểm mạnh chủ yếu trong công tác GSHQ như sau:

- Thủ tục GSHQ tại Chi cục dần được đổi mới theo hướng áp dụng quản lý rủi ro; thủ tục hải quan được chuẩn hoá theo hướng quy định cụ thể cho từng loại hình hàng hoá XK, NK; số lượng hồ sơ, chứng từ trong thủ tục hải quan, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá, thời gian thông quan giảm đáng kể qua từng năm. Đây là bước đột phá lớn của ngành Hải quan, phù hợp với lộ trình cải cách thủ tục hành chính mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động XNK.

- Rút ngắn thời gian thông quan của hàng hoá XNK: Từ năm 2014, việc đi vào sử dụng Hệ thống VNACCS/VCIS (được xây dựng trên nền tảng công nghệ của Nhật Bản) là Hệ thống thông quan tự động và Hệ thống thông quan điện tử E-customs 5 đã góp phần rút ngắn thời gian quản lý ở tất cả các khâu trong quy trình quản lý hàng hóa XK, NK, tăng cường công tác quản lý đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp XNK.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp đã được quan tâm thực hiện. Sự nỗ lực này của Chi cục đã giúp cho doanh nghiệp trên địa bàn nắm bắt kịp thời chính sách pháp luật, những thay đổi về chính sách điều hành áp dụng trên địa bàn để doanh nghiệp có thể chủ động nghiên cứu, triển khai trong hoạt động thương mại.

- Công tác phối hợp với các lực lượng thường xuyên được duy trì như xây dựng các kế hoạch triển khai công tác phối, kết hợp đạt hiệu quả cao.

Trong công tác kiểm tra, giám sát, Chi cục đã phối hợp với các ngành như Biên phòng, Y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật.

2.3.2 Điểm yếu

Bên cạnh những điểm mạnh đã đề cập ở trên, trong thời gian qua, công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục vẫn còn nhiều mặt còn những điểm yếu cần được hoàn thiện như sau:

- Sự thiếu đồng bộ giữa các quy trình quản lý hàng hóa XNK của cơ quan; hệ thống CNTT trong quản lý Hải quan và hệ thống quản lý hàng hóa XNK của các đơn vị kinh doanh kho, bãi, cảng dẫn đến công tác quản lý, GSHQ đối với hàng hóa, phương tiện vận tải tại khu vực Cảng biển, cửa khẩu, kho, bãi còn chưa đáp ứng được yêu cầu của Luật Hải quan; việc kết nối trao đổi thông tin hàng hóa đưa vào, đưa ra kho, bãi, Cảng chưa được liên kết giữa các Chi cục Hải quan trên toàn quốc, do vậy hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát còn hạn chế...

- Quy trình nghiệp vụ và hệ thống công nghệ thông tin còn một số bất cập: thiếu quy trình quản lý hàng hóa xuyên suốt từ khi XK, NK, vận chuyển, sử dụng hàng hóa đúng mục đích đã đăng ký cơ quan hải quan; các quy trình nghiệp vụ, phần mềm do các đơn vị xây dựng còn thiếu tính liên thông, liên kết còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý; các phần mềm có mức độ tự động hóa chưa tương thích; thông tin chi tiết trên các hệ thống mới chỉ phục vụ cho từng mảng công việc chuyên môn cụ thể, thiếu thông tin tổng hợp.

- Công tác GSHQ hàng năm mặc dù đã được Chi cục xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, tuy nhiên phần lớn công việc mang tính chất thời điểm, cộng với sự giới hạn về nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người, dẫn đến công tác GSHQ thiếu tính chủ động, ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này.

2.3.3 Nguyên nhân

Những điểm yếu nêu trên trong công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục có thể lý giải bởi một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Nhóm nguyên nhân chủ quan:

- Việc bố trí đội ngũ CBCC GSHQ còn chưa được chú trọng, một số CBCC chưa nắm vững chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chưa có ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, chưa thực hiện đúng; một số CBCC chưa có đủ năng lực do công tác đào tạo, phát triển chưa hợp lý, không sát với thực tế.

- Công tác cán bộ đối với lực lượng GSHQ còn bất cập:

+ Một bộ phận CBCC còn chưa đáp ứng và theo kịp yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực nghiệp vụ khó, phức tạp như: Thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan, rà soát tờ khai luồng xanh, quản lý rủi ro.

+ Hạn chế của cán bộ, công chức hải quan của các Chi cục hải quan khác trong việc thực thi chính sách, pháp luật về lĩnh vực ưu đãi đầu tư, các khái niệm “linh kiện”, “nguyên liệu”, “vật tư”, đôi khi cán bộ hải quan áp dụng miễn thuế chưa chính xác cũng gây khó khăn cho công tác giám sát tại cửa khẩu.

+ Chưa có chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ, công chức thuộc lực lượng kiểm soát hải quan (mới chỉ có chế độ, chính sách đối với cơ sở bí mật, cộng tác viên của ngành Hải quan). Thực tế này phần nào ảnh hưởng tới hiệu quả nghiệp vụ, trong đó có công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Công tác tuyên truyền chưa đổi mới, thông tin mới đến với doanh nghiệp chưa kịp thời, đội ngũ CBCC còn thiếu kỹ năng, chưa được đào tạo chuyên sâu về công tác tuyên truyền, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm... Vì vậy, hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hải quan hiệu

quả mang lại chưa cao. Thực tế, trong thời gian vừa qua cho thấy nhiều doanh nghiệp chưa nắm bắt đầy đủ, kịp thời chính sách thuế nên đã bỏ qua cơ hội kinh doanh hoặc không tuân thủ tốt pháp luật về thuế, về tính chất mặt hàng, sở hữu trí tuệ, nhãn mác nên có thể dẫn đến vi phạm pháp luật về hải quan trong quá trình tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

Nhóm nguyên nhân khách quan

- Hệ thống Luật pháp, các chế độ chính sách quản lý kinh tế của nước ta đang trong quá trình hoàn thiện do vậy còn nhiều bất cập, sơ hở, thiếu đồng bộ tạo ra những kẽ hở cho các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại, thực trạng này được chứng minh qua những vụ việc lách luật để gian lận trốn thuế ngày càng tinh vi và phức tạp. Việc xây dựng, ban hành một số văn bản hướng dẫn dưới luật chậm trễ, không phù hợp với thực tế đôi khi còn trái ngược, mâu thuẫn với nhau. Thực tế nêu trên đã làm cho các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung, trong đó có ngành Hải quan trong một số lĩnh vực nghiệp vụ gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong triển khai thực hiện.

- Hệ thống Cảng Hải Phòng có chiều dài khoảng 20 km nhưng phát triển nhỏ lẻ, manh mún, mỗi Cảng có cơ sở hạ tầng, công nghệ, quy trình, cách thức quản lý, khai thác hàng vào ra Cảng khác nhau tùy theo đặc thù của từng Cảng nên công tác quản lý của cơ quan Hải quan đối với hoạt động của các doanh nghiệp KDC cũng như quản lý hàng hóa ra vào, lưu giữ trong khu vực Cảng Hải phòng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc như:

+ Một số doanh nghiệp KDC đã triển khai kết nối trao đổi thông tin với hải quan nhưng có đầu tư trang thiết bị lạc hậu nên thông tin chuyển cho hải quan chậm, chưa theo thời gian thực nên ảnh hưởng đến hiệu năng của hệ thống, chưa đảm bảo yêu cầu quản lý.

+ Một số doanh nghiệp Cảng có quy trình quản lý hàng hóa XK chưa đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan theo quy định của Luật Hải quan 2014 như không phân chia được khu vực riêng cho hàng XK, NK, hàng qua thời hạn

làm thủ tục hải quan, hay hàng nội địa do điều kiện mặt bằng nhỏ gây khó khăn cho công tác giám sát, kiểm soát hải quan, cần phải có giải pháp để quản lý tốt hơn.

+ Nhiều nội dung chỉ tiêu thông tin cần báo cáo cho cơ quan Hải quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhưng chưa có quy trình, quy định cụ thể, hoặc có những doanh nghiệp Cảng chưa báo cáo kịp thời hoặc chưa có cách thức báo cáo nhanh, tự động qua hệ thống điện tử. Hệ thống thông tin và thống kê hải quan chưa được hoàn thiện.

- Tính tuân thủ pháp luật của một số doanh nghiệp chưa cao. Bên cạnh những doanh nghiệp làm ăn chân chính, một số doanh nghiệp do chạy theo lợi nhuận trước mắt nên chỉ tập trung vào khai thác các yếu tố có lợi cho mình nên sử dụng bất cứ phương thức, thủ đoạn nào có được, kể cả kinh doanh phạm pháp, gian lận thương mại, trốn thuế nhằm mục đích lợi nhuận, hưởng được lợi thế cạnh tranh do ít tốn phí. Điều này làm cho công tác quản lý hoạt động GSHQ hàng hóa XK, NK gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh tế - xã hội, làm cho những doanh nghiệp làm ăn chân chính sẽ khó tồn tại bên cạnh những doanh nghiệp gian dối. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp không nắm vững pháp luật, trình độ nhân viên làm công tác XNK còn hạn chế, thường xuyên thay đổi nhân viên, do vậy, cơ quan hải quan phải tốn rất nhiều thời gian và công sức trong việc hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục hải quan.

Tóm tắt chương 2

Trong chương 2, căn cứ trên khung lý thuyết được xây dựng ở chương 1, cùng với bộ số liệu (sơ cấp, thứ cấp) được thu thập từ những nguồn chính thống, đáng tin cậy, luận văn đã phân tích thực trạng về nhân sự của đội GSHQ, kết quả công tác giám sát hàng hóa xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ trong giai đoạn 2014-2017.

Bên cạnh đó, luận văn còn đánh giá khá chi tiết về thực trạng công tác GSHQ trên cơ sở phân tích đánh giá của CBCC hải quan và cộng đồng doanh nghiệp XNK mở tờ khai tại Chi cục về chất lượng công tác GSHQ tại Chi cục.

Luận văn cũng phân tích điểm mạnh, điểm yếu, lý giải nguyên nhân dẫn đến những điểm yếu trong công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục, tạo ra căn cứ thực tế có ý nghĩa quan trọng cho việc đề ra những giải pháp hoàn thiện công tác GSHQ ở chương tiếp theo.

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
GIÁM SÁT HẢI QUAN HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ -
HẢI PHÒNG**

3.1 Phương hướng, nhiệm vụ của công tác giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đến năm 2025

3.1.1. Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác giám sát hải quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác kiểm soát hải quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng trong giai thời gian tới như sau:

- Triển khai thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan theo Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ có hiệu lực từ 15/03/2015, công văn số 73/TCHQ-ĐTCBL ngày 01/4/2015 về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

- Thực hiện nghiêm túc kỷ cương kỷ luật theo công văn 323/KSHQ-TH ngày 15/05/2015 về việc tăng cường quản lý hoạt động công vụ của CBCC để giữ nghiêm kỷ luật, nâng cao hiệu quả công tác Kiểm soát, nâng cao năng lực, đạo đức, ý thức của cán bộ công chức thi hành công vụ; nâng cao trách nhiệm của Lãnh đạo Tổ, Đội, trình độ năng lực, trình độ của cán bộ công chức theo công văn 6708/HQHP-KSHQ ngày 09/9/2015, chú trọng xây dựng lượng kiểm soát hải quan hướng tới chính quy, hiện đại.

- Tiếp tục triển khai xử lý hàng tồn, hàng hóa quá thời hạn làm thủ tục hải quan thuộc địa bàn hoạt động của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng theo thông tư 203/2014/TT-BTC và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc quy định về công tác phối hợp trong đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại ban hành

kèm theo Quyết định số 1707/QĐ-HQHP ngày 24/5/2016 của Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng như Bộ đội biên phòng, Công an, các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Tổng cục Hải quan trong đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa, các chất ma túy qua biên giới thông qua biện pháp trao đổi thông tin, hoạt động nghiệp vụ và trợ giúp về kỹ thuật, trang thiết bị tác nghiệp.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với hàng nhập khẩu vận chuyển độc lập và vận chuyển kết hợp đến địa bàn khác nhằm ngăn chặn, phát hiện xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ kiểm soát cho công chức trong đơn vị.

- Lập nhóm công chức tư vấn nghiệp vụ; nghiên cứu, điều tra theo chuyên đề, theo từng hoàn cảnh thực tiễn trên địa bàn

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đến năm 2025

Qua quá trình nghiên cứu, luận văn xác định một số phương hướng hoàn thiện công tác GSHQ hàng hóa XK, NK tại Chi cục như sau:

- Quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch GSHQ hàng năm để tạo cơ sở thực hiện cho CBCC. Tuy nhiên, kế hoạch không nên áp đặt chỉ tiêu cụ thể về mặt lượng, bởi điều đó rất dễ dẫn đến những tiêu cực cho công tác GSHQ.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự làm công tác GSHQ để phù hợp với năng lực sở trường, với trình độ được đào tạo; có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, từng bước xây dựng đội ngũ CBCC này theo hướng chính quy, hiện đại; trở thành lực lượng chuyên nghiệp có chuyên môn sâu, hoạt động minh bạch, liêm chính, có hiệu lực và hiệu quả đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa quản lý hải quan.

- Đẩy mạnh và làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục để cộng đồng doanh nghiệp hiểu, nhận thức và chấp hành đúng pháp luật hải quan trong hoạt động XNK của mình.

- Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các Đội và các Chi cục với các lực lượng chức năng trên địa bàn để nắm tình hình tại địa bàn cửa khẩu, các doanh nghiệp, các đơn vị liên quan để thu thập, sàng lọc, xử lý thông tin khi có nghi vấn về lô hàng XK, NK có dấu hiệu vi phạm. Chủ động điều tra, xác minh làm rõ nguồn thông tin nghi vấn và báo cáo ngay cho lãnh đạo Chi cục để xử lý.

- Chuẩn hóa các quy trình quản lý của tất cả các doanh nghiệp KDC, kho bãi và yêu cầu các doanh nghiệp này thực hiện theo quy trình chuẩn này, đồng thời thực hiện việc cập nhật hệ thống tiêu chí theo yêu cầu của cơ quan Hải quan để đáp ứng mục tiêu quản lý tập trung, tự động đối với hàng hóa XNK cũng như quản lý hoạt động của doanh nghiệp KDC.

- Trên cơ sở quy định của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn, yêu cầu và thực tiễn quản lý xây dựng, sửa đổi quy trình quản lý của cơ quan Hải quan để quản lý việc thực hiện của doanh nghiệp KDC theo quy trình chuẩn và quản lý hàng hóa đang chịu sự GSHQ.

- Trên cơ sở quy trình quản lý của doanh nghiệp KDC và của cơ quan Hải quan, đơn vị CNTT đưa ra giải pháp phù hợp để triển khai đồng bộ tại tất cả các doanh nghiệp KDC.

3.2 Các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, Hải Phòng

3.2.1. Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng.

3.2.1.1. Cơ sở của giải pháp

Áp lực cao từ chính sách luân chuyển cán bộ của Tổng cục Hải quan, đòi hỏi công chức Hải quan phải cập nhật kiến thức ở tất cả các lĩnh vực quản lý Nhà nước về công tác Hải quan.

Số lượng công chức GSHQ tại Chi cục dưới 35 tuổi chiếm tỷ lệ khá cao. Đây là đội ngũ năng động, có trình độ, được đào tạo bài bản song còn ít kinh nghiệm thực tế, được biết là giải quyết các tình huống phát sinh khi GSHQ, do đó hiệu quả công việc còn thấp, chưa nhận được phản hồi tích cực từ phía các doanh nghiệp XNK.

Bên cạnh đó, công chức GSHQ tại Chi cục trên 50 tuổi cũng chiếm tỷ lệ khá cao (22%). Đây là đội ngũ giàu kinh nghiệm, biết cách giải quyết các tình huống thực tế song ngại cập nhật kiến thức mới nên hiệu quả công tác GSHQ chưa cao.

Hiệu quả của công tác GSHQ không chỉ phụ thuộc vào đội CBCC hải quan mà còn phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực của các DN kinh doanh cảng.

3.2.1.2. Nội dung của giải pháp

Về phía cơ quan Hải quan

1) Đào tạo cán bộ, công chức

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thường xuyên thực hiện trong những năm vừa qua. Để công tác giáo dục, đào tạo về kiến thức GSHQ đối với hàng hóa XK, NK có hiệu quả cần phải có định hướng rõ ràng về mục tiêu, nội dung và đối tượng được đào tạo. Điều quan trọng đối với ngành Hải quan hiện nay là cần có những chương trình “đào tạo theo chuyên đề” có hiệu quả, do chúng ta đang thiếu kiến thức thực tế và kỹ năng thực hiện, cụ thể:

+ Tổ chức các buổi đào tạo theo chuyên đề dưới hình thức cầm tay chỉ việc, đặc biệt là cách giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế.

+ Tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ hải quan theo Luật Hải quan mới, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn Luật...; tổ chức các lớp chuyên đề ngắn hạn về quy định kiểm tra, kiểm soát, GSHQ đối với hàng hóa XK, NK, chính sách hàng hóa, mã số hàng hóa, chống buôn lậu, gian lận thương mại, phòng chống ma túy,... cho cán bộ công chức.

+ Đào tạo, hướng dẫn cán bộ công chức ứng dụng, sử dụng các chương trình, hệ thống CNTT hải quan mới, nhất là hệ thống kết nối với doanh nghiệp KDC để đảm bảo đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hải quan.

+ Khuyến khích cán bộ công chức học tập ngoại ngữ, tin học ngoài giờ.

+ Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức về văn hóa ứng xử, về tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, tránh hiện tượng quan liêu, tham nhũng hay các biểu hiện tiêu cực khác...

2) Sử dụng cán bộ công chức

Xu thế hiện đại hóa hải quan đòi hỏi trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ Hải quan nói chung, cán bộ GSHQ ngày càng cao. Tuy nhiên một số công chức cao tuổi ngại học tập để nâng cao trình độ dẫn đến nguồn lực bị lãng phí. Để giải quyết tình trạng này, cần phải:

- Sử dụng cán bộ công chức đúng, phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn được đào tạo.

- Việc luân chuyển cán bộ công chức theo định kỳ kết hợp với việc sử dụng chuyên sâu.

- Kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp cán bộ công chức sai phạm, làm ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị.

- Xây dựng bản mô tả chức danh công việc cho từng cá nhân, từng vị trí công việc làm cơ sở cho công tác bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, công chức GSHQ tại Chi cục.

Về phía doanh nghiệp Cảng

Các doanh nghiệp cần tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ giải quyết thủ tục hải quan có nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn XNK, nghiệp vụ hải quan, có kỹ năng giải quyết tình huống thực tế,...

Đào tạo, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để nhân viên của doanh nghiệp KDC có thể hiểu rõ bộ chứng từ XNK, sử dụng thành thạo vi tính văn phòng, các chương trình, hệ thống CNTT kết nối với cơ quan hải quan và có khả năng cập nhật, sử lý dữ liệu trên Hệ thống

3.2.1.3. Kết quả của giải pháp

Tạo môi trường học tập, nâng cao trình độ cho đội ngũ GSHQ nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thủ tục hải quan trong tiến trình hội nhập.

Phát huy được lợi thế của đội ngũ công chức trẻ kết hợp với kinh nghiệm của CBCC có thâm niên trong công tác GSHQ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác GSHQ tại Chi cục.

3.2.2. Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp

3.2.2.1. Cơ sở của giải pháp

Các văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hải quan liên thay đổi nên rất khó để các DN XNK nắm kiến thức về thủ tục hải quan chưa một cách kịp thời. Vì vậy, mặc dù số lượng các DN tuân thủ pháp luật hải quan ngày càng tăng nhưng vẫn chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn, do đó tỷ lệ tờ khai thuộc luồng vàng, luồng đỏ khá cao.

Mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp còn lỏng lẻo dẫn đến ý thức tuân thủ pháp luật hải quan của một số DN XNK còn hạn chế đồng thời vẫn còn hiện tượng gây những nhiễu, phiền hà cho doanh nghiệp

3.2.2.2. Nội dung của giải pháp

Về phía cơ quan Hải quan

- Lập Website, đăng tải văn bản chế độ chính sách để doanh nghiệp cập nhật.

- Thành lập tổ giải quyết vướng mắc, tư vấn, giải đáp chế độ chính sách về GSHQ tại Chi cục. Tiếp nhận thông tin phản ánh, kịp thời kiểm tra và xử lý mọi hành vi gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực và thông tin công khai cho doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp khi có nhu cầu đề nghị.

- Hỗ trợ doanh nghiệp kiến nghị xử lý kịp thời các vướng mắc về cơ chế, chính sách bất hợp lý với cấp có thẩm quyền

- Định kỳ tổ chức Hội nghị thảo luận về các giải pháp tăng cường mối quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp.

- Ký thỏa thuận với toàn bộ doanh nghiệp làm thủ tục Hải quan qua địa bàn quản lý nhằm truyền tải thông điệp, chủ trương của Cục và Chi cục nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn quản lý cũng như đề nghị doanh nghiệp trở thành kênh thông tin hỗ trợ giám sát, phản ánh hành vi công vụ của CBCC đảm bảo kịp thời, khách quan và chính xác nhất.

Về phía doanh nghiệp

- Cập nhật và nghiên cứu các quy định quản lý nội bộ về GSHQ để kết hợp với Chi cục trong công tác giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ công chức trong quá trình làm thủ tục, đồng thời được thuận lợi trong quá trình xử lý vướng mắc phát sinh.

- Không thông đồng tiếp tay cho CBCC Hải quan nếu có hành vi những nhiễu, tiêu cực.

- Kịp thời thông tin, phản ánh những hành vi gây khó khăn, tiêu cực của CBCC Hải quan với địa chỉ trách nhiệm cụ thể: Tên đơn vị, tên CBCC, hành vi gây phiền hà, tiêu cực.

- Bố trí đội ngũ cán bộ, nhân viên có kiến thức pháp luật Hải quan đi làm thủ tục.

- Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan phản ánh trực tiếp cho Chi cục trưởng (Chi cục sẽ cung cấp và niêm yết công khai số điện thoại của Chi cục trưởng cho cộng đồng doanh nghiệp).

- Trước khi tiến hành thủ tục, nếu còn vấn đề chưa rõ cần tư vấn giúp đỡ, nên đến gặp tổ Giải quyết vướng mắc tại Chi cục.

3.2.2.3. Kết quả của giải pháp

Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật hải quan của các doanh nghiệp, hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác GSHQ tại Chi cục.

3.2.3. Các giải pháp khác

3.2.3.1 Hoàn thiện hệ thống thông tin và thống kê hải quan

- Tích hợp hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý Hải quan đối với cả thủ tục hải quan truyền thống và hải quan điện tử theo mô hình xử lý thông tin tập trung triển khai tại cấp Cục và Chi cục.

- Hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản hỗ trợ cho hệ thống Công nghệ thông tin hải quan.

- Trang thiết bị, hạ tầng mạng đầu tư theo mô hình xử lý tập trung. Áp dụng công nghệ để tối ưu khả năng sử dụng các máy chủ đã triển khai tại các chi cục.

- Nâng cấp mạng diện rộng WAN, mạng LAN nhằm đáp ứng đủ băng thông, đảm bảo tính ổn định, khả năng dự phòng để phục vụ các ứng dụng phần mềm đã được tái thiết kế và triển khai theo mô hình tập trung hóa.

- Đào tạo cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc; cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Tập trung đào tạo chuyên gia CNTT có trình độ chuyên môn cao trên các lĩnh vực phân tích thiết kế, phát triển và duy trì đảm bảo hệ thống. Đào tạo, hướng

dẫn cán bộ doanh nghiệp về ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin Hải quan.

3.2.3.2. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở hạ tầng

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện hiện đại đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác hiện đại hóa Hải quan, tập trung nâng cao hiệu quả công tác GSHQ.

- Tăng cường máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại: camera, vệ tinh định vị, seal điện tử và phương tiện kỹ thuật khác.

KẾT LUẬN

Giám sát hải quan là một trong những nội dung trọng tâm của công tác hải quan. GSHQ là công cụ quan trọng số một trong việc phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại.

Trong giai đoạn 2013-2017, công tác GSHQ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ đã đạt được một số thành tựu đáng kể như: (1) Thủ tục giám sát hải quan được chuẩn hóa; (2) Rút ngắn thời gian giám sát hải quan; (3) Công tác tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp đã được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, công tác GSHQ tại Chi cục cũng gặp một số hạn chế như: (1) Các quy trình nghiệp vụ, phần mềm do các đơn vị xây dựng còn thiếu tính liên thông, liên kết còn hạn chế; (2) Thiếu sự đồng bộ giữa quy trình GSHQ; hệ thống CNTT trong quản lý Hải quan và hệ thống quản lý hàng hóa XNK của các đơn vị kinh doanh kho, bãi, cảng; (3) Công tác GSHQ thiếu tính chủ động.

Nguyên nhân chính của thực trạng này là do: (1) cán bộ GSHQ chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu của công tác GSHQ; (2) mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp còn lỏng lẻo; (3) hệ thống thông tin và thống kê hải quan chưa được hoàn thiện; (4) trang thiết bị, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và chưa được đầu tư thỏa đáng.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác GSHQ, trong thời gian tới Chi cục cần tập trung vào một số giải pháp như: (1) Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ CBCC hải quan và doanh nghiệp KDC; (2) Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp; (3) Hoàn thiện hệ thống thông tin và thống kê hải quan; (4) Tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

Do thời gian và kiến thức có hạn nên luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhưng tác giả hy vọng rằng những đề xuất trên đây sẽ góp phần cải thiện công tác GSHQ tại Chi cục. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô cùng bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn khi vận dụng vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Ngọc Anh (2010), *Nâng cao hiệu quả công tác giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu trong lĩnh vực nghiệp vụ Hải*, Hà Nội;
- [2] Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 38/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;
- [3] Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp*, Hà Nội;
- [4] Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội;
- [5] Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ - CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, kiểm soát hải quan*, Hà Nội;
- [6] Chính phủ (2011), *Quyết định số 448/2011/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 v/v phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020*, Hà Nội;
- [7] Chính phủ (2015), *Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [8] Chính phủ (2008), *Quyết định số 48/2008/QĐ-BTC, ngày 04/07/2008, của Bộ trưởng Bộ Tài chính*, Hà Nội
- [9] Cục Hải quan Hải Phòng (2016), *Quản lý, giám sát hàng hóa tại cảng biển, cảng hàng không*, Hà Nội.
- [10] Phạm Đức Hải (2014), *"Một số biện pháp tăng cường quản lý hàng hóa xuất, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp chế xuất tại chi cục Hải Quan khu chế xuất và khu công nghiệp Hải Phòng"*, Hải Phòng.

- [11] Hội đồng Hợp tác Hải quan Thế giới (1999), *Công ước quốc tế về hài hòa và đơn giản hóa thủ tục Hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung)*.
- [12] Quốc hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014*, Hà Nội.
- [13] Võ Xuân Thê (2015), *Nghiệp vụ Hải quan*, Hà Nội.
- [14] Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 282/QĐ-TCHQ ngày 10/11/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [15] Tổ chức Hải quan thế giới WCO, *Cẩm nang về quản lý rủi ro*.

PHỤ LỤC
PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT HẢI QUAN TẠI
CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU CẢNG ĐÌNH VŨ
(Dùng chung cho cả cán bộ, công chức hải quan và doanh nghiệp)

Kính thưa Quý Ông/ Bà:

Hiện nay tôi đang thực hiện một đề tài khoa học nghiên cứu về *Công tác giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đình Vũ - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*. Để cho việc nghiên cứu được khách quan, chính xác, làm cơ sở để đề xuất những kiến nghị phù hợp, trân trọng kính mời Quý Ông/Bà trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát này.

Tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân, thông tin riêng của Quý Ông/Bà.

Phần câu hỏi khảo sát

Quý Ông/ Bà trả lời các câu hỏi khảo sát bằng cách đánh dấu (X) vào lựa chọn mà Ông/ Bà cho là đúng nhất cho mỗi tiêu chí mà tôi đưa ra.

Tiêu chí 1	Phương án đánh giá			
Cơ chế quản lý hoạt động GSHQ hiện nay là hợp lý	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 2	Phương án đánh giá			
Các văn bản quy định và hướng dẫn trong việc GSHQ hiện nay là đầy đủ, khoa học	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 3	Phương án đánh giá			
Các biểu mẫu trong thủ tục GSHQ hàng hóa XK, NK dễ hiểu, dễ sử dụng	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 4	Phương án đánh giá			
Thời hạn kiểm tra, giám sát 01 lô hàng ngày một nhanh chóng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp XNK	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 5	Phương án đánh giá			
CBCC hải quan luôn tuân thủ quy trình thủ tục thực hiện công tác GSHQ, không gây khó khăn đối với doanh nghiệp XNK	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 6	Phương án đánh giá			
Số lượng CBCC GSHQ đáp ứng được nhu cầu của công tác GSHQ hiện nay	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 7	Phương án đánh giá			
CBCC GSHQ thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

--	--	--	--	--

Tiêu chí 8	Phương án đánh giá			
Các yêu cầu hợp pháp của doanh nghiệp XNK liên quan đến nghiệp vụ hải quan luôn được CBCC GSHQ đáp ứng một cách hợp lý	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 9	Phương án đánh giá			
CBCC GSHQ có thái độ làm việc đúng mực	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 10	Phương án đánh giá			
CBCC GSHQ thường xuyên tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin mới về pháp luật, quy trình, thủ tục hải quan,... cho doanh nghiệp	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 11	Phương án đánh giá			
Việc tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin có tác động tích cực đến nhận thức của doanh nghiệp XNK	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 12	Phương án đánh giá			
Chi cục Hải quan sử dụng hệ thống công cụ, dụng cụ hiện đại trong GSHQ hàng hóa XNK	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 13	Phương án đánh giá			
Hệ thống CNTT phục vụ GSHQ giúp cho cơ quan hải quan kiểm soát một cách tốt nhất lượng hàng hóa XNK đưa vào, lưu trữ, đưa ra khu vực GSHQ	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Tiêu chí 14	Phương án đánh giá			
Hệ thống công cụ, dụng cụ, hệ thống CNTT giúp công tác thông quan hàng hóa XNK được thuận tiện, nhanh chóng	Hoàn toàn đồng ý	Đa phần đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý

Ông/Bà có kiến nghị gì đối với Công tác giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Nếu có thể, Ông/Bà vui lòng cung cấp một số thông tin sau:

Họ và tên người trả lời:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

Trình độ học vấn:

Điện thoại liên hệ:

Trân trọng cảm ơn Quý Ông/Bà !